

# CẦU NGUYỆN

## một đề tài cổ xưa nhưng lại luôn luôn mới

(Phần 03)

0. Dẫn nhập.
1. Khủng hoảng của những gì thuộc về tôn giáo và các Ki-tô hữu bị chất vấn.
2. Những khó khăn khi cầu nguyện.
3. Cầu nguyện trong lịch sử, trong thế giới cổ đại và trong mọi tôn giáo.
4. Cầu Nguyện là một phần của lịch sử nhân loại.  
Cầu nguyện trong tư tưởng, lối sống và văn hoá người Việt Nam.
5. Cầu nguyện là một đòi hỏi sinh tử của đức tin.
6. Dân Ít-ra-en cầu nguyện.
7. Những đặc điểm của kinh nguyện Ít-ra-en.
8. Abraham, vị Tổ Phụ vĩ đại, người cha của tất cả các tín hữu và là mẫu gương cầu nguyện.
9. Mô-sê, vị ngôn sứ vĩ đại và một con người cầu nguyện.
10. Ngôn sứ Ê-li-a, con người cầu nguyện và dẫn thân cho dân chúng.
11. Cầu nguyện và ca ngợi Thiên Chúa bằng các Thánh Vịnh.

### **12. Chúa Giê-su và việc cầu nguyện.**

### **13. Chúa Giê-su với Thánh Vịnh trong việc cầu nguyện.**

### **14. Kinh Lạy Cha – lời cầu nguyện Chúa Giê-su dạy.**

### **15. Chúa Thánh Thần hướng dẫn cầu nguyện.**

### **16. Kinh nguyện Ki-tô giáo được khai sinh như thế nào?**

-----

### **12. Chúa Giê-su và việc cầu nguyện.**

Thần học gia người Đức Friedrich Heiler đã viết: ‘Về mặt cầu nguyện nội tâm, quả thực Đức Giêsu đã mở ra một kỷ nguyên mới’. Chúng ta cần phải đi sâu vào khu vườn kín là mối quan hệ độc đáo giữa Đức Kitô và Chúa Cha. Lời cầu nguyện của Đức Giêsu hội nhập vào trong lời cầu nguyện của dân tộc Do thái, như chúng ta đã nói ở trước. Nhưng chúng ta không được vì thế mà quên đi sự độc đáo và nét mới mẻ trong lời cầu nguyện của Đức Giêsu. Thấy Người cầu nguyện là các môn đệ đã bị thôi thúc phải xin Người tập cho mình cũng làm công việc thiêng liêng như thế.

Tất cả các soạn giả Tin Mừng đều cho biết vai trò của việc cầu nguyện trong cuộc đời Đức Giêsu, đặc biệt trước những biến cố có tầm quyết định. Tuy nhiên Luca là người nhấn mạnh nhiều hơn hết, khi cho thấy cầu nguyện là một yếu tố thường xuyên xuất hiện trong bất cứ khung cảnh thiêng liêng nào. Luca nói tới việc cầu nguyện ở những chỗ mà các soạn giả Tin

Mừng không cho thấy. Ngài mở đầu Tin Mừng bằng cảnh dân Do thái cầu nguyện và kết thúc bằng cảnh các Kitô hữu tạ ơn.

Trong cuốn ‘Les années obscures de Jésus – những năm ảm đạm của Chúa Giê-su’, Robert Aron, một học giả người Pháp, đã cố gắng cho thấy môi trường tôn giáo đã ảnh hưởng thế nào trong việc đào luyện tâm hồn của Đức Giêsu. Chung quanh Đức Giêsu, ‘trong khuôn khổ của một gia đình, Người thấy cả một vũ trụ đang được hiến dâng cho Thiên Chúa’. Cứ mỗi suy từ là trẻ Giêsu lại thấy cái thiêng thánh kèm theo. Thời gian cũng được thánh hoá, vì thời gian chính là ‘nơi cho cái vĩnh cửu của Thiên Chúa gặp lại cái thời sự đang diễn ra theo dòng đời của mỗi người’.

Vào thời Đức Kitô, ba giờ kinh: sáng, trưa, chiều, được qui định rất rõ: vào lúc 9 giờ, lúc 15 giờ và vào một lúc muộn hơn, giờ kinh này ban đầu được tự do tuân giữ, nhưng về sau trở thành giờ kinh buộc. Mỗi ngày ba lần, Đức Giêsu sẽ đọc kinh. ‘Shémone esré’, tức là ‘Mười tám câu chúc tụng’. Kinh Lạy Cha mà Người trời lại cho Giáo hội cũng đã được cảm hứng từ đó. Ngay từ thời thơ ấu, Đức Kitô đã hội nhập vào lịch sử của dân tộc mình, Người đón nhận nhịp độ cầu nguyện của dân tộc ấy. Người tham gia vào cái trình tự của cái nghi thức đã có từ ngàn đời ấy, nhưng để hoàn bị nghi thức ấy cho mỹ mãn hơn, để đưa nó tới mức hoàn thành.

Đức Giêsu cầu nguyện, sự kiện đó được nhắc tới lần đầu tiên, khi Người được Gioan làm phép rửa. Luca cũng là người duy nhất lưu ý điểm này. Ông cho thấy việc Đức Giêsu cầu nguyện có liên quan với việc Chúa Thánh Thần ngự xuống để chiếm lấy Đức Giêsu. Tin Mừng theo người Do thái còn cho thấy Đức Giêsu nói như sau: ‘Tôi đã chờ Ngài (Chúa Thánh Thần) nơi tất cả các ngôn sứ, cho đến khi đến đậu lại trên Tôi’.

Lời Chúa Cha phán: ‘Con là Con chí ái của Ta, Ta hài lòng về Con’ có vẻ là tiếng trời cao trả lời cho lời cầu nguyện thâm thi của Đức Giêsu. Qua lời đó, Chúa Cha công bố một cách long trọng sứ mạng cứu thế của Đức Giêsu cho dân chúng biết, gồm có cả người Do thái lẫn ngoại giáo. Như thế, ta đã thấy rõ giữa cầu nguyện và truyền giáo có liên hệ mật thiết với nhau.

Thuật trình Đức Giêsu chịu cám dỗ tại hoang địa không nói rõ Người cầu nguyện, nhưng giả thiết là có điều đó. Tại sao Đức Giêsu phải đi tìm chỗ cô tịch, nếu không muốn cầu nguyện? Toàn bộ Tin Mừng đã minh chứng điều đó. Dưới sự thúc đẩy của Thánh Thần, Đấng đã chiếm lấy Người và tấn phong Người, Đức Giêsu đi tìm sự Yên lặng của hoang địa, chuẩn bị cho ngày thi hành nhiệm vụ cứu thế, bằng cách cầu nguyện và ăn chay – hai việc này thường đi đôi với nhau.

Cuộc đương đầu của Đức Giêsu với Tên Cám Dỗ làm ta nhớ tới cơn cám dỗ đầu tiên ở vườn Địa đàng. Đức Giêsu cũng bị chung một thử thách, ‘giống chúng ta mọi đàng’ (Dt 4,15).

Những đề nghị do sứ thần hồn mang đưa ra cũng giống những đề nghị của con rắn ngày xưa: dùng phép lạ và quyền năng làm lợi cho mình. Câu trả lời của Đức Giêsu cũng là câu trả lời

mà mọi người Israen (Ngài cũng là người Israen) phải nhắc lại mỗi ngày trong kinh Shema: ‘Người phải tôn kính Chúa là Thiên Chúa của người, và chỉ được thờ phượng một mình Người’.

Đó chính là câu trả lời hiển hách mà Đức Kitô sẽ không bao giờ rút lại, cho đến khi chết trên thập giá, dù phải trải qua những thử thách cam go như thế nào. Quyền năng cứu thế được ban cho Người không phải để phục vụ vinh quang của Người, mà để bày tỏ quyền tối thượng của Thiên Chúa. Ở đây Đức Giêsu tự khẳng định mình là Adam thật của nhân loại, là người đã nối kết trời với đất trong bài ca tán tụng Đấng Tạo Hoá.

Lúc chọn Nhóm Mười Hai để hướng dẫn dân Israen mới, Đức Giêsu ý thức rõ đây là một quyết định tối quan trọng, nên Người đã leo lên núi để cầu nguyện thật say sưa. Người muốn đặt công cuộc của mình cũng như tương lai của Giáo hội tùy thuộc ý muốn của Cha. Hành vi nào của Người cũng trở nên chín chắn trong lời cầu nguyện. Giữa cầu nguyện và hoạt động không có sự phân đôi.

Biển cố Hiên dung cũng xuất phát do lời cầu nguyện; đó chính là lúc cuộc đối thoại của Người với Chúa Cha được lộ mặt thật ra. Một lần nữa, Đức Giêsu lại lên núi gặp Cha.

Môsê và Elia đã tìm về nơi cô tịch ở núi Xinaï và núi Kho-rép để gặp Chúa thế nào, thì Môsê mới cũng tìm cách đối thoại với Cha mình như thế. Môsê và Elia, hai con người đi tìm Chúa, xuất hiện để cho thấy biển cố này cũng nằm trong một quá trình mạc khải đang tiếp diễn và sắp đi tới chỗ hoàn tất. Các thánh khi cầu nguyện thỉnh thoảng cũng xuất thần, nhưng sự xuất thần của họ có đáng kể gì so với sự cầu nguyện của Chúa Con? Thiên Chúa hiện diện thật, điều đó biểu lộ một cách trông thấy được qua ánh sáng chói lòa, ánh sáng ấy được làm dịu bớt nhờ đám mây, và đám mây là dấu báo hiệu một thế giới vô phương đụng tới. Và ánh sáng càng chói lòa khi nó xuất hiện giữa đêm đen. Nó đánh thức các môn đệ đang say ngủ.

Cũng như khi Đức Giêsu chịu phép rửa, sự xuất hiện của Thiên Chúa ở đây cũng kết thúc bằng một câu nói để xác nhận lời cầu nguyện của Đức Giêsu và để củng cố tinh thần của các chứng nhân: ‘Đây là Con yêu dấu của Ta, hãy nghe lời Người’. Qua câu nói đó, Thiên Chúa vừa công bố Đức Giêsu là Con của Người vừa tấn phong Đức Giêsu làm Đấng Mêsia và làm Vua, đúng như thánh vịnh 2 đã báo trước: ‘Ta sẽ đặt Quân vương của Ta trên Xion, trên núi thánh’.

Ba tông đồ được chọn để có thể thấy vinh quang của Thầy mình, khi khám phá trên mặt Thầy (hay đúng hơn trên toàn thân thể của Thầy) phản chiếu mối quan hệ thâm sâu không thể san sẻ được giữa Chúa Cha và Chúa Con. Cũng chính 3 vị đó sẽ chứng kiến tâm trạng bối rối của Đức Giêsu trong giờ hấp hối. Họ dựa vào đó mà hiểu được toàn bộ mâu nhiệm của con người Giêsu.

Ngoài ra, các thánh sử còn nhắc đến việc Chúa Giê-su cầu nguyện bằng cách tạ ơn Cha trên trời (Lc 10, 21-22). Các Tin mừng nhất lãm còn giữ được nhiều lời cầu nguyện của Đức

Giêsu, ta có thể dựa vào đó mà hiểu sâu hơn mối quan hệ mật thiết giữa Người với Chúa Cha. Tất cả những lời cầu nguyện đó lại xảy ra vào những lúc quan trọng, bởi đó chúng càng mang một sắc thái đặc biệt.

Lời cầu nguyện thứ nhất là một lời tạ ơn được Máttêu và Luca tường thuật. Luca lại cho ta biết bối cảnh của lời tạ ơn đó. Bảy mươi môn đệ vừa đi truyền giáo lần đầu tiên trở về. Họ đang hớn hờ vui mừng vì kèm theo các bài giảng họ đã làm được nhiều điều lạ thường. Trong Chúa Thánh Thần, Đức Giêsu chia sẻ sự hớn hờ vui mừng của họ và thốt lên lời cảm tạ: ‘Ngay giờ ấy, được Thánh Thần tác động, Đức Giêsu hớn hờ vui mừng nói: ‘Lạy Cha là Chúa tể trời đất, Con xin ngợi khen Cha, vì điều Cha đã giấu không cho bậc khôn ngoan thông thái biết, thì Cha lại mạc khải cho những người bé mọn. Vâng, lạy Cha vì đó là sở thích của Cha’.

Lời cầu nguyện này, cũng như lời cầu nguyện trong kinh Magnificat của Đức Maria, được thốt lên trong niềm vui và dưới sự tác động của Thánh Thần, là Đấng hướng dẫn mọi sự, làm sáng tỏ mọi sự, mạc khải mọi sự trong cuộc đời Đấng Mêsia. Các bậc khôn ngoan thông thái cũng như những người bé mọn nói tới ở đây không phải là hình ảnh của những hoàn cảnh sống, những giới người, mà ám chỉ những thái độ khác hẳn nhau của con người trước thông điệp của Đức Giêsu. Một bên là những người ứ đầy kiến thức, tự phụ và vì thế không còn gì để nhận thêm nữa: họ là những người đã biết tất cả. Một bên là những người bé mọn nhìn mọi sự do Cha trên trời ban cho với cặp mắt ngây thơ, với con tim mềm mỏng và khát khao.

Lời cầu nguyện trong vườn Ghếtsemani của Chúa Giê-su: Cả ba Tin mừng nhất lãm đều tường thuật hoạt cảnh ở vườn Ghếtsemani. Vì thế, đó là nội dung căn bản của giáo lý. Với hoạt cảnh đó, chúng ta được đưa vào chính trung tâm vở kịch của Đức Giêsu và vào chính trung tâm cầu nguyện của Người. Chính trong đêm cuối cùng còn sống ở đời này, Thầy chúng ta đã đi vào nơi cô tịch cầu nguyện để chuẩn bị đón nhận cuộc thử thách cao nhất trong ngày hôm sau.

Đức Giêsu bước vào ngôi vườn kín đó, nằm bên kia suối Kíttrôn, một địa danh thân quen mà Người thích lui tới để cùng với môn đệ mình cầu nguyện. Giuđa đã có kinh nghiệm về nơi đó. Chỉ có ba môn đệ đã từng chứng kiến Người Hiển Dung mới được mời thức với Người, cách nhau không xa lắm. Họ sắp thấy một con người bị cùng đường, rất khác với con người mà họ đã từng chiêm ngắm trên núi Tabo. Đức Giêsu yêu cầu họ thức và cùng cầu nguyện với Người.

Trong lời tạ ơn trước đây, Người đã hân hoan ca tụng Cha khôn ngoan khi thực hiện ý định của mình. Và bây giờ tại vườn Ô-liu này, cũng chính Chúa Cha đó suýt nữa đã phải đánh gục thân xác và ý muốn tự nhiên của Đức Giêsu. Đức Giêsu bị giăng co giữa một bên là ý thức mình với Cha rất gần gũi thân mật và một bên là biết rằng mình phải liên đới với tội lỗi dưới muôn ngàn vẻ. Tội lỗi đã chụm lên đầu Người như đêm tối buông xuống và đòi Người phải

chết. Người chẳng khác nào một kẻ bị lật thuyền, vật vờ trên sóng, hầu như không thể ngửa thuyền lại được nữa. Đó chính là lúc lòng Đức Giêsu trĩu nặng tội của thế gian.

‘Người đi xa hơn một chút, ngã xuống đất và cầu xin cho mình khỏi phải qua giờ đau khổ ấy, nếu có thể được. Người nói: Ábba, lạy Cha, Cha có thể làm được mọi sự, xin cho con khỏi uống chén đắng này. Nhưng xin đừng theo ý Con, mà xin theo ý Cha’ (Mc 14,35-36).

Trông thấy tội lỗi trong tất cả sự trần trụi xấu xí của nó, có phần nào nhập nhằng với chính bản thân Người, trông thấy tội như Thiên Chúa thấy, lòng Đức Giêsu cảm thấy đốn đau. Như bị tội lỗi đè bẹp, Người ngẩng đầu quay về phía Chúa Cha và kêu lên với Chúa Cha, Đấng đang diu dắt lịch sử thế giới. Cả ba soạn giả Tin Mừng có kể lại hoạt cảnh này đều xác định rõ tiếng kêu đó, riêng Máccô còn ghi lại nguyên văn tiếng Aram: ‘Ábba’. Chính vào lúc mặt đất như đang lao đảo dưới chân Người, Người đã cầu nguyện để đáp lại lời Chúa Cha đã từng công bố: ‘Đây là Con yêu dấu của Ta’. Đúng là một hành vi tin tưởng và phó thác cho Thiên Chúa toàn năng: ‘Cha có thể làm được mọi sự. Nhưng xin đừng theo ý Con, mà xin theo ý Cha!’.

Ở đây ý Cha và ý Con dường như đối chọi nhau: Chúa Con không những bị giằng co giữa hai ý muốn, mà còn bị rối trí ngay trong thân phận làm người của mình nữa. Con người xác thịt của Đức Giêsu phản kháng cách giải quyết quá bi đát đã chuẩn bị sẵn. Chỉ có Cha mới ban cho Người đủ sức mạnh siêu nhân để hoàn thành sứ mạng. Nỗi lo âu kinh khủng đó thấm nhập toàn thân Người, đến nỗi đã làm nó phải nhỏ ra những giọt máu.

Trên đời này chưa có lời cầu nguyện nào diễn tả một hoàn cảnh bi đát hơn, chưa có lời cầu nguyện nào đồng hoá với cuộc sống sâu xa hơn, một cuộc sống đang bị thử thách đến cực điểm. Có lẽ cũng chưa bao giờ chúng ta được đi vào mầu nhiệm của Đức Giêsu sâu như thế. Kinh ‘Lạy Cha’ của Đức Giêsu là lời cầu nguyện của một người đi từ tâm trạng hỗn loạn bối rối tới chỗ gạt đầu ưng thuận. Hoạt cảnh này giúp ta hiểu thêm rất nhiều về lời kinh mà Người đã dạy ta.

Trong vườn cây Dầu Chúa Giê-su đã cầu nguyện như vậy, và khi bị treo trên thập giá, Ngài tiếp tục cầu nguyện. Tất cả các soạn giả Tin Mừng đều cho biết rằng khi nằm trên thánh giá Đức Giêsu đã mượn lời các Thánh vịnh để cầu nguyện với cha: ‘Eli, Eli. Lạy Chúa con thờ, lạy Chúa con thờ, sao Ngài lại bỏ con?’. Khi nghe chữ Eli (trong tiếng Aram có nghĩa là Chúa), đám lính Roma không biết tiếng Hípri tưởng là Người gọi ngôn sứ Elia. Cách hiểu sai này không phải do họ bịa đặt ra, đã vô tình xác nhận sự kiện: Đức Giêsu đã cầu nguyện bằng bài Thánh vịnh nói về sự ruồng bỏ của Thiên Chúa, dư âm của lời cầu nguyện tại vườn Ghết-sêmani. Người đang sống bài Thánh vịnh ấy cho đến mức vì đó mà phải chết.

Sử dụng các Thánh vịnh để cầu nguyện, đó là một cách cho thấy rõ hơn hết bi kịch của Đức Giêsu hoà chung với lịch sử của dân Người mà Người đã nhận lấy, hoà chung với sứ mạng của dân ấy cũng như với tội phản đạo của họ, mà bây giờ chỉ mình Người đứng ra nhận trách nhiệm nặng nề về tội lỗi đó. Cái mà đồng bào Người đang cử hành vào giờ này trong tuần lễ

Vượt Qua, thì chính Người đang sống, đang là hiện thân. Người là Con Chiên gánh lấy tội thế gian để tiêu diệt đi. Khi Người chết là một công trình sáng tạo mới ra đời.

Rồi theo soạn giả Luca, Đức Kitô loan báo thế giới đã được hoà giải, vì Người đã xin Cha tha cho những người có trách nhiệm về cái chết của Người. “Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết việc họ làm” (Lc 23,34).

Sự bi thảm trên đồi Canvê không hề làm lu mờ đi sự hiệp thông sâu xa giữa Con và Cha, cả hai được nối kết với nhau bằng một tình thương chung. Trái với một quan niệm thông thường, nếu có bi kịch thì không phải là giữa Chúa Cha và Chúa Con, mà Cha muốn hiến dâng như Tổ phụ Ábraham (thánh Ambroise), nhưng là giữa Thiên Chúa với tội lỗi thế gian.

Đức Giêsu vừa hoàn thành kế hoạch nhiệm mầu của Chúa Cha, mà vẫn mang trong lòng một tình yêu không sao đo được đối với con người, ngay cả những con người đã phạm tội và hành hạ mình. Người cầu xin Cha từ ái tha thứ. Bây giờ nạn nhân của tội lỗi lại đứng ra cầu thay nguyện giúp cho các tội nhân, đến độ như muốn làm nhẹ tội đa mức tội của họ. Thật là một lời cầu nguyện anh dũng của một người đang hấp hối, cầu cho những kẻ đã giết mình. Tình yêu đã trở thành lòng đại lượng ở mức cao nhất.

Nhờ sự trung gian và nhờ lời cầu nguyện của Đức Giêsu, thế giới đã được giải hoà với Thiên Chúa. Thánh Phaolô, khi khai triển đề tài hoà giải, không bao giờ nói rằng Thiên Chúa đã tự hoà giải mình, nhưng luôn nói rằng ‘chúng ta đã được hoà giải’ hay ‘chúng ta đã hoà giải’. Vì Thiên Chúa không thay đổi, Người vẫn vậy. Trở ngại chỉ ở phía con người. Trở ngại do tội lỗi tạo ra đó đã bị thánh giá của Đức Kitô gạt đi: thánh giá Đức Kitô đã lật ngược quả tim con người đến độ từ nay quả tim ấy trở nên mới mẻ hoàn toàn như ‘một tạo vật mới’.

Những lời Đức Giêsu nói trên thập giá không phải là những lời thêu thào của một người hấp hối nửa tỉnh nửa mê, mà là những lời sáng suốt nhất, tự do nhất, tóm tắt tất cả, diễn tả một tình yêu trọn vẹn, không biên giới. Lúc này, Đức Giêsu có thể nói: ‘Mọi sự đã hoàn tất’. Với cái chết của Người, quả thật lịch sử thế giới đã hoàn thành mỹ mãn, cả trong việc trung thành với Chúa Cha lẫn thuỷ chung với anh em.

Thánh sử Luca còn giữ lại lời cầu nguyện cuối cùng của Đức Giêsu: ‘Đức Giêsu kêu lớn tiếng: Lạy Cha, Con xin phó thác hồn con trong tay cha. Nói xong, Người tắt thở’ (Lc 23,45-46).

Khi đọc Thánh vịnh 21 hay ở đây khi đọc Thánh vịnh 30, Đức Giêsu luôn cầu nguyện lớn tiếng, để cho người khác nhận ra được đáy lòng mình. Cầu nguyện ‘lớn tiếng’ (Luca hai lần nói rõ như thế) xem ra là một điều hơi lạ đối với một người đang tắt thở. Không phải là một sự ‘hấp hối’, nhưng là một hành vi hiến dâng sáng suốt, tự do, trọn vẹn, hiến dâng cuộc sống mà mình đã nhận lãnh, hiến dâng từ hơi thở đầu tiên cho đến hơi thở cuối cùng. Chúa Con đang trả lại cho Thiên Chúa hồng ân đã lãnh nhận đó, trả lại cho Người hơi thở mà từ thuở Sáng Thế cũng như từ khi sinh ra đó vẫn là dấu chứng tỏ sự hiện hữu và sự sống. Những gì

xuất hiện từ Thiên Chúa thì bây giờ trở về với Người. Lời cầu nguyện với Cha trên đây, không có trong Thánh vịnh, nhưng cũng diễn tả quan hệ Con Cha với Người, diễn tả sự tin tưởng, phó thác và yêu thương của Đức Giêsu, một người không coi chết là hết mà là hoàn thành và tiến về với Thiên Chúa, nguồn sự sống.

Tóm lại, nhờ cầu nguyện, Đức Giêsu được đưa vào tận trong nơi thâm sâu duy nhất. Đó phải là một lời cầu nguyện hết sức cá nhân. Một lời cầu nguyện phát xuất từ chỗ Người hiệp thông với Cha. Một lời cầu nguyện đúng là hơi thở của linh hồn Người, là bên bờ để linh hồn Người nghỉ ngơi, tìm ra bí mật, cội nguồn và sức sống sâu xa nhất của mình. Đức Giêsu nguyện ngắm rất tự nhiên. Không bao giờ Người cảm thấy xa cách như các nhà huyền nghiệm vĩ đại từng cảm thấy, ngay cả trong những khi xuất thần. Chỉ cần so sánh lời cầu nguyện của Đức Giêsu với lời cầu nguyện của thánh Phaolô, là đủ biết được cái gì làm cho lời cầu nguyện của Người khác hẳn lời cầu nguyện của các nhà huyền nghiệm đặc biệt nhất. Chưa bao giờ Người cảm thấy bất lực hay khốn khổ, nhưng luôn cảm thấy vui tươi khi được cập vào bờ xứ sở của linh hồn Người. Đức Giêsu đi tìm sự cô tịch để có thể tiến sâu hơn vào khu vườn của mầu nhiệm ấy.

Thờ lạy cũng có nghĩa là ca ngợi và tạ ơn. Đức Giêsu thường xuyên sống lệ thuộc ý muốn của Chúa. Phục tùng là lẽ sống của linh hồn Người: “Lương thực nuôi sống Thầy là thi hành ý muốn của Đấng đã sai Thầy” (Ga 4,34).

Ý muốn của Chúa chính là cái làm cho con tim Đức Giêsu đập và làm cho ý chí của Người hoạt động. Người không hề bị quyến rũ bởi hạ giới hay bị cám dỗ sống bất trung.

Mọi hoàn cảnh, mọi lời cầu nguyện, mọi lời thỉnh xin đều đưa Đức Giêsu về lại với mục tiêu của sứ mạng: đó chính là ý Cha, là công trình Cha đã giao cho Người. Ngoài ra, Đức Giêsu không còn biết gì hơn. Người ca ngợi kế hoạch của Chúa Cha, mà Người có nhiệm vụ phải phục vụ. Ngay cả ở Ghếtêmani, Người cũng chỉ tìm được bình an khi thưa vâng với Cha, khi ưng thuận với Cha trong tình con thảo.

Lời cầu nguyện của Đức Giêsu còn là lời cầu nguyện ‘dấn thân’: nó đưa tới hành động và sứ mạng, nó hướng dẫn mọi hành vi. Chẳng những không làm Người xa cách nhân loại, cầu nguyện còn đẩy Người vào sâu hơn trong sứ mạng cứu thoát thế giới. Nhờ cầu nguyện, Người có thể nhận ra rõ hơn lý do tại sao Người đến đây, làm sao Người có thể vượt qua được những giờ phút âu lo, đón lịch sử nhân loại làm lịch sử của mình và đưa lịch sử ấy tới chỗ hoàn tất mỹ mãn.

Khi Người kêu lớn tiếng trên đồi Canvê là Người công bố cho toàn thể địa cầu biết Người từng phục Cha với lòng hiếu thảo và yêu thương, một điều mà cả đời Người không ngừng nhắc lại. Sự nghiệp Người nhận từ tay Cha nay đã hoàn tất. Hoàng hôn của địa cầu đã kết thúc trong bình minh của Thiên Chúa.

Như thế, cuộc đời của Đức Ki-tô luôn gắn liền với cầu nguyện và đặc biệt Ngài luôn dùng Thánh Vịnh để cầu nguyện như đã nói sơ qua ở trên. Dưới đây, chúng ta cùng tìm hiểu sâu hơn việc Thánh Vịnh quan trọng như thế nào đối với Chúa Giê-su trong việc cầu nguyện.

### **13. Chúa Giê-su với Thánh Vịnh trong việc cầu nguyện.**

Chỉ có các Thánh vịnh, dù đã bị rêu phong thời gian phủ kín, nhưng vẫn bất hủ và đã được Đức Giêsu biến cải để dùng vào việc cầu nguyện với Cha Người. Đó là những bài ca cũ xưa để hát mừng bài thánh ca mới. Đó vẫn là khúc hát của địa cầu hát mừng Đấng đã tạo thành địa cầu, vẫn là những khúc ca giữ cho bước chân của những con người đi tìm Chúa được nhịp nhàng, và vẫn là những bài ca có thể làm rung động cả tường thành Giêrusalem trên trời.

Chính Đức Giêsu đã đọc các Thánh Vịnh nhờ đó Người đi sâu vào tội lỗi của thế giới, liên đới với tội lỗi ấy, nhưng không phải để bênh vực, mà để tiêu diệt nó. Bởi vậy, Người vừa cầu nguyện cho người bách hại cũng như cho kẻ bị bách hại. Người là người công chính duy nhất, thế mà phải trở thành kẻ bị ngược đãi, trở thành người Nghèo cao cả. Người không bỏ một câu, một chữ trong các thánh vịnh nhưng Người thanh lọc chúng trong cuộc Khổ nạn của Người, hay đúng hơn trên thập giá của Người, tựa như một lò sát sinh nơi đó cả lời nguyện rửa lẫn lời chúc dữ đều bị đốt tiêu tan như rơm rạ.

Bài thánh vịnh bi thương nhất mà Đức Giêsu đã thốt lên trên thập giá rất cuộc đã biến thành lời ngợi khen, cảm tạ, chiến thắng sự dữ. Mỗi người chúng ta đã có mặt ngay trên thập giá đó, vì từ cái chết của Người, một cộng đoàn rộng mở cho hết mọi người đã được khai sinh.

**Thánh vịnh là kinh nguyện của Đức Giêsu:** Đức Giêsu đã lấy kinh nguyện của đền thờ làm của mình, Người học thuộc lòng, hát ở hội đường, hát khi tiến về Giêrusalem năm lên 12 tuổi, cũng như trong tất cả những lần tiến về thành thánh và hát cho đến bữa tiệc chia tay lần cuối, cùng với các Tông đồ. Có hai soạn giả Tin mừng còn thuật lại rằng trên thập giá, Đấng bị đóng đinh đã đọc thánh vịnh 21. Khi sắp tắt thở, Người còn thều thào TV 30.

- **Thánh vịnh, một kinh nguyện được Đức Giêsu đón nhận:** Ban đầu, tập thánh vịnh không phải là của Đức Giêsu mà được ban cho Người: đó là lời cầu nguyện áp úng của một nhân loại đã được Người đón lấy, là sách nói lên sứ mạng của Người. Nhưng tập thơ ấy đã trở thành sách nguyện của Người. Đức Kitô đọc các thánh vịnh là vì các thánh vịnh nói về Đức Kitô. Trong thánh vịnh, Người gặp lại dân được Chúa chọn, một dân ô hợp, tội lỗi, và trong số đó, người vô đạo xem ra lại đông hơn. Đức Kitô đã gặp được toàn thể nhân loại nơi các thánh vịnh, từ một nhân loại cầu cứu đến một nhân loại phi bang và phi báng tới mức làm Người phải nản lòng.

Đức Giêsu đã liên đới với nhân loại này cũng như với tiếng kêu cứu và sự khốn cùng của họ: nhân loại đó chính là thân thể Người cũng như đã là kinh nguyện của Người. Theo Augustin,



‘Khi Đức Giêsu nói: linh hồn Thầy buồn đến chết được là Người đã tự tỏ mình ra nơi bạn cũng như cho bạn được tỏ mình ra nơi Người’. Ngài chính là người ;’kêu lên từ biên giới địa cầu và tiếng Người đã vang cùng vũ trụ’. Đức Giêsu liên đới với toàn thể nhân loại, Người là trung gian ơn cứu độ.

Kinh nguyện của dân Do thái, một khi được thốt lên từ miệng của Đức Kitô, thì đồng thời được biến đổi và tinh luyện. Đó là kinh nguyện có sức sáng tạo của một Adam mới, có khả năng tạo ra một khởi nguyên mới, sinh ra một nhân loại mới. Từ khi Người đến và suốt thời gian Người sống, kinh nguyện của dân Do thái gắn chặt với xương thịt Người và sẽ không bao giờ rời xa Người nữa. Kinh nguyện ấy hiện ra trước mắt Người, nằm sâu trong lòng Người, khác nào một cái gai luôn luôn quấy rầy và thúc bách Người cho tới khi mọi sự được hoàn tất.

- **Một kinh nguyện đã được sống:** Đức Giêsu kết thúc sứ mạng của mình, một sứ mạng không ngừng bị cản trở, đúng vào lần thứ ba Người lên Giêrusalem (tính từ khi Người hoạt động công khai) để cử hành lễ vượt qua cuối cùng. Và Đức Giêsu chết trên thập giá vào đúng giờ người Do thái giết chiên vượt qua. Đối với Người, cử hành lễ vượt qua và bị kịch vượt qua trùng hợp với nhau: giờ Người tự hiến mình làm hy tế của buổi chiều cuối cùng cũng là giờ vị Thượng tế đang cầu nguyện.

Ở đây, cầu nguyện và hành động chỉ là một. Thánh vịnh nói lên cuộc đời và thảm kịch của Đức Giêsu, thánh vịnh cũng nói lên sự cô đơn của Đấng đã trở nên đối tượng cho mọi người khinh rẻ, cùng với những người nghèo của Israen. Khi dùng kinh nguyện của dân tộc mình, Đấng Mêsia đã cho thấy sứ mạng của mình có ý nghĩa gì, một sứ mạng mà Người đã thi hành trong đau khổ nhưng đã hoàn tất trong vinh quang. Những câu cuối trong Tv 21 là tiếng kêu chiến thắng:

*“Toàn thế giới muôn người nhớ lại  
Và trở về cùng Chúa  
Khấp tràn gian, mọi nước kính thờ,  
Phủ phục trước thiên nhan...  
Sự nghiệp đây, chính Chúa tạo thành”.*

Chiều ngày Phục sinh, Đấng sống lại đã gặp hai môn đệ trên đường đi Emmau. Đối với họ, tất cả dường như đã mất hết. Họ hoàn toàn thất vọng và chính vì thất vọng, họ trở nên mù quáng. Đức Giêsu chỉ giúp họ đọc lại Kinh thánh, các ngôn sứ và các thánh vịnh (nên lưu ý ở đây Đức Giêsu nhắc tới sách Thánh vịnh một cách rõ ràng). Sứ mạng của Đấng Mêsia, đau khổ cũng như chiến thắng, cuộc vượt qua khổ nạn để tiến tới vinh quang, tất cả đều được tiên báo trong sách đó. Chỉ vì các môn đệ đã bị che mắt nên họ không nhận ra được các biến cố đó.

Khi tới quán trọ, Đức Giêsu kết thúc lời giải thích bằng cách bẻ bánh, và chính lúc đó, mắt họ dần dần mở ra. Từ bàn tay của Người mà Rembrandt đã vẽ trong một bức tranh bất hủ, đã toả ra ánh sáng mở mắt họ. Thế là thất vọng đổi ra vui mừng, tro tàn được khơi lại, và lửa bập bùng trong tim họ, bởi vì ai khám phá được Đức Kitô trong các Thánh Vịnh sẽ được các Thánh Vịnh ấy nung đốt.

#### **14. Kinh Lạy Cha – lời cầu nguyện Chúa Giê-su dạy.**

Các Tin Mừng để lại cho chúng ta hai bản văn Kinh Lạy Cha, một của Máttêu, một của Luca. Ta khó biết hai văn sĩ này có dùng cùng một nguồn tư liệu không, rồi sau đó đã biên soạn để truyền lại cho ta một cách khá tự do. Những người cho rằng có thể giải đáp vấn đề này thường nghĩ là bản văn của Máttêu gần với nguyên bản hơn: bản văn của Máttêu dài hơn, được xây dựng một cách nhịp nhàng, có những điểm tương đồng khá rõ với môi trường Do thái. Dầu sao, các cộng đoàn tiên khởi cũng đã mau chóng đón nhận bản văn của Máttêu, như sách ‘Didachè’ đã cho biết.

- **Kết cấu của kinh Lạy Cha:** Cứ nguyên văn mà xét, Giáo hội luôn luôn coi kinh Lạy Cha không phải chỉ là một công thức cầu nguyện, mà còn là một trường dạy ta cầu nguyện nữa. Chính vì thế trong các thế kỷ đầu không có văn sĩ nào đề cập đến vấn đề cầu nguyện mà không dành chỗ đặc biệt để chú giải bản văn mô phạm do chính Thầy mình để lại đó. Tertullien còn gọi đó là ‘bản tóm tắt toàn bộ Tin Mừng’, một bản toát yếu đức tin.

Kinh Chúa dạy gồm có hai phần. Phần thứ nhất lấy Chúa làm đối tượng, phần thứ hai lấy con người và cuộc sống trần gian làm đối tượng. Ba lời cầu xin liên hệ đến Thiên Chúa tương ứng với ba mạc khải quan trọng, được tiết lộ dần trong Cựu ước, đánh dấu ba giai đoạn của một lịch sử thánh: giai đoạn của ngôn sứ, của vua chúa và của tư tế. Qua ba mạc khải đó người Do thái tuyên xưng sự siêu việt của Thiên Chúa, quyền tối thượng của Người và thánh ý của Người.

Trình tự phát triển từ từ của Cựu ước đã kết thúc và hoàn thành nơi Đức Kitô, đến nỗi ta có thể đồng hoá Người với những mạc khải đó. Như chính Người đã nói trong Tin Mừng. Người không đến để bãi bỏ mà đưa thông điệp của các Tổ phụ và các ngôn sứ tới mức hoàn hảo. Đối với Người cũng như đối với chúng ta, các giá trị của mạc khải chính là nền tảng duy nhất đỡ nâng toàn bộ nhiệm cuộc cứu độ, từ lúc khai sinh đến khi hoàn thành. Các giá trị đó hiện nay vẫn là những thành phần cốt yếu làm nên kinh nguyện của Giáo hội.

Mới nhìn qua phần hai, ta không thấy kết cấu của nó rõ ràng lắm. Phần này tập trung vào con người, trong thân phận cũng như trong quan hệ của con người, một con người được nhìn dưới ánh sáng của Chúa. Ở đây, hình như Đức Giêsu theo con đường kinh nghiệm, từ dưới đi lên, cũng chính là con đường giáo dục của Thiên Chúa. Cả ba lời cầu xin trong phần này đều cho thấy nét mới mẻ của Tin Mừng: các môn đệ sẽ cầu xin lương thực mỗi ngày, xin được

tha thứ, được ơn Chúa nâng đỡ, trong khi sống một cuộc đời lúc nào cũng bị Tên Cám Dỗ đe dọa.

- **Lạy Cha chúng con:** Đối với các Kitô hữu, gọi Thiên Chúa là Cha, đó là một sự táo bạo chưa từng thấy, như phụng vụ đã nhận xét và hằng nhắc nhở ta điều đó. Chẳng những không được làm nhạt đi hay biến kiểu gọi đó thành tầm thường, đức tin còn phải giúp ta nhận thức rõ hơn cái mầu nhiệm kinh hoàng xuyên qua kiểu gọi đó. Cha Brémond có kể giai thoại về một thiếu nữ chăn bò cho một nữ tu viện chiêm niệm, mỗi lần đọc ‘Lạy Cha chúng con’ đều xuất thần:

‘Cô thiếu nữ kỳ diệu ấy, mặt ràn rụa nước mắt, đã xin Mẹ Marie de Valence dạy cho mình biết cách để đọc cho hết kinh Lạy Cha, vì theo ngôn ngữ của người miền núi, cô ta nói ‘Con không thể nào đọc hết kinh ấy. Từ gần 5 năm nay, mỗi khi thốt lên hai chữ ‘Lạy Cha’, và nghĩ rằng Đấng ở trên nơi cao kia (vừa nói cô vừa lấy ngón tay chỉ lên trời) chính là Cha con... Con liền khóc, và cả ngày, khi trông coi bò con cứ ở mãi trong trạng thái đó’ (*Histoire littéraire du sentiment religieux en France*, Paris 1921 II, p.66).

Các tôn giáo cũ xưa, bán khai hay của Babylon, có gọi thần minh của mình là ‘cha của các tầng trời và của loài người’ cũng chẳng sao. Vì nếu có trùng hợp với cách gọi Thiên Chúa trong kinh Lạy Cha, thì đó chỉ là sự trùng hợp trên ngôn từ thôi, chứ chưa hẳn trùng hợp trong sự thật: hai cách gọi ấy không mang cùng một tầm mức, cũng không có cùng một ý nghĩa. Khi gọi Lạy Cha chúng con, người Kitô hữu nói lên một điều mà chỉ nhờ Tin Mừng họ mới biết được: chỉ có một nhân vật có thể cho họ biết rõ hết sự thật của cách gọi Lạy Cha, nhân vật đó là Người Con của Ngài, là Người Con độc nhất. Bởi đó cũng chỉ có Người mới xứng đáng gọi Cha ‘của Tôi’ và Cha ‘của anh em’ (Ga 20,17).

Đành rằng Thiên Chúa đã bắt đầu tự mạc khải mình là Cha, khi giải phóng dân Người khỏi nô lệ Ai cập, như giải phóng đứa con đầu lòng của mình. Người đã tỏ cho họ thấy Người yêu thương họ vô hạn, Người không thể bỏ họ dù họ phạm lỗi. Thế nhưng, như Origène nhận xét, chưa bao giờ ở Do thái Thiên Chúa được gọi là Cha, bằng kiểu nói đầy lòng tín thác mà Chúa Cứu Thế đã để lại cho ta.

Nhìn vào cuộc sống và giáo huấn của Đức Giêsu ta mới từ từ nhận ra nét mới mẻ hẳn của nhiệm cuộc Kitô giáo. Các môn đệ bắt đầu cảm nhận có một quan hệ hết sức độc đáo nối kết Người với Thiên Chúa, từ khi họ nghe Người cầu nguyện và gọi Thiên Chúa là ‘Ápba’, một từ tương đương với ‘bố ơi’ mà trẻ em Việt Nam thường dùng để gọi Cha mình, một từ ngữ chứa đầy lòng tin tưởng và sự thâm tình, mà không có từ ngữ nào khác diễn tả được.

Cha là một từ ngữ xác định con người thật của Thiên Chúa và nói lên quan hệ chặt chẽ nối kết Đức Giêsu với Thiên Chúa, một quan hệ diễn ra trong sự yêu thương nhau tuyệt vời khôn tả. Đó chính là tiếng gọi của Ngôi Con kết hợp với Cha trong cùng một mầu nhiệm cũng như qua sứ mạng mà Cha đã giao cho Người là cứu thoát anh em loài người. Chính vì thế, Đức Giêsu mới dám nói: ‘Lạy Cha, những kẻ Cha đã ban cho Con’.

Từ khi sống lại, Đức Kitô càng cho các môn đệ chia sẻ sâu xa hơn thân phận làm Con Thiên Chúa của mình, làm Con sống với Cha. Người kết hợp mọi tín hữu lại với Người, thành một thân thể, thành một dân mới. Người sai Thánh Thần đến tập cho các tín hữu làm quen với mẫu nhiệm kinh hoàng đó, mẫu nhiệm đã làm cho họ trở thành con cái Chúa.

Thánh Thần giải thoát ta khỏi mọi tâm trạng nô lệ và uốn nắn ta theo hình ảnh của Người Con duy nhất, trong tình yêu mà Người đã đổ vào lòng ta. Đến lượt mình, ta lại được Thánh Thần giúp đỡ để có thể sử dụng lại tiếng gọi của chính Đức Giêsu, để có thể thưa lên: ‘Ápba, Cha ơi!’. ‘Để chứng thực anh em là con cái, Thiên Chúa đã sai Thần Khí của Con mình đến ngự trong lòng anh em mà kêu lên: Ápba, Cha ơi!’ (Gl 4,6)

Có thể nói chữ ‘Cha’ diễn tả trọn vẹn mạc khải của Kitô giáo, diễn tả trọn vẹn đức tin của người tín hữu: quan hệ con thảo với Thiên Chúa của Đức Giêsu và, trong Người, quan hệ con thảo của mọi tín hữu. Thánh Augustin kết luận: ‘Con cái Thiên Chúa là thân thể của Con Một Thiên Chúa’. Chỉ nhờ đức tin ta mới được sinh ra từ nơi Thiên Chúa và mới sùng sốt khám phá ra rằng mình có một ‘Cha ở trên trời’.

‘Khi gọi Cha chúng ta, là chúng ta mở lòng ra đón nhận hết mọi người... Với hai chữ ‘chúng ta’, tôi muốn ôm hết tất cả mọi thụ tạo đang cùng chia sẻ thân phận làm người với tôi. Không có ai bị loại khỏi số đó. Nói ‘chúng ta’ là mọi người đều có mặt ở đó. Tôi thưa ‘Lạy Cha’. Trước mặt nhân loại đang dần ra đó, tôi gọi Thiên Chúa là Cha, để Người sinh chúng ta lại trong sự sống riêng của Người’ (P. Bellego, ‘Trois entretiens’).

Như vậy, không phải nhờ trí tuệ, mà là nhờ ơn Chúa Thánh Thần ta đã vượt qua được ngưỡng cửa của mẫu nhiệm sâu thẳm ấy: trong mẫu nhiệm đó, chúng ta gọi Thiên Chúa là Đấng khai sinh ra sự sống mới, sự sống ấy đã vọt lên như một nguồn suối. Đức tin sẽ cắm chúng ta vào sâu nơi Thiên Chúa, cho chúng ta thông công với sức sống sâu xa của Người, mà theo lời của Clément (Alexandrie) sự sống đó là một ‘mùa xuân bất tận’.

**- Lạy Cha chúng con ở trên trời:** Đức Giêsu dạy chúng ta thưa Lạy Cha ‘chúng con’, dù có thể lúc ấy chúng ta đang cầu nguyện một mình. Quan hệ con thảo là một ơn mà ta được hưởng chung với tất cả những ai đã được mời gọi như chúng ta, cùng với chúng ta. Làm con Thiên Chúa và làm anh em trong Giáo hội là hai điều luôn đi đôi với nhau. Tertullien nói: ‘Gọi Cha và gọi Con, tức là đồng thời đã gọi mẹ, vì không có mẹ thì không thể nào có Con và có Cha’. Người Kitô hữu được liên kết với các thánh một cách nhiệm mầu, nếu họ luôn luôn cầu nguyện ở số nhiều. Cùng với các dân tộc chúng ta làm nên một thân thể duy nhất, thân thể của Con Thiên Chúa.

Ơn thánh ta nhận được sẽ được biểu lộ ra trong tình bác ái huynh đệ. Tình bác ái ấy sẽ liên kết và làm sống động toàn thân thể là tập đoàn các thánh. Nếu đã có tình yêu Chúa nơi mình, ta sẽ không thể không yêu thương mọi con cái Chúa, tức là anh em mình: ‘Ai yêu mến người cha, thì cũng yêu mến con cái người cha đã sinh ra’ (1Ga 5,1).

Kiểu nói ‘ở trên trời’, rất quen thuộc trong giới Do thái, lại không thấy có trong bản văn của Luca vì Luca viết Tin Mừng cho người ngoại giáo. Kiểu nói đó không nhằm xác định chỗ ở của Thiên Chúa cho bằng muốn nói lên rằng Thiên Chúa vừa gần gũi vừa không thể nắm bắt được. Tin Mừng cho biết cùng với sự xuất hiện của Đức Kitô ‘trời cao đã đến viếng thăm địa cầu’: Thiên Chúa đã tiến lại gần ta. Cầu nguyện là cánh cửa mở cho những ai đang châu chực Chúa đến viếng thăm mình.

Thánh Cyprien nhận xét: Cầu nguyện với Cha là vừa tạ ơn vừa tuyên xưng. Chúng ta phải xử sự như con cái Chúa thì mới sống và mới thờ hít được theo tâm cỡ của Người.

- **Chúng con nguyện danh Cha cả sáng:** Muốn bắt được âm sắc của lời cầu xin thứ nhất này, trước hết ta cần phải nhớ rằng tên là chính con người. Cái tên diễn tả sự thật của Thiên Chúa đối với ta. Khi nghe Môsê hỏi tên mình, Chúa đã nói: ‘Ta là Hiện Hữu’ (Xh 3,14).

Thiên Chúa là Đấng Hiện Hữu, Người hiện hữu và làm cho hiện hữu. Người là sự hiện diện có hoạt động; hoạt động của Người cho ta biết con người thật và tình thương của Người. Các giáo phụ Hy Lạp gọi đó là lòng nhân ái của Thiên Chúa: Thiên Chúa yêu thương con người. Như vậy, nhắc đến tên Chúa cũng là nhắc đến chính Thiên Chúa. ‘Chúng con nguyện danh (tên) Cha cả sáng!’ có nghĩa là chúng con nguyện cho Cha được mọi người nhìn nhận là Thiên Chúa’.

Thánh Kinh không ngừng nhắc nhở rằng Thiên Chúa là thánh. Nói như thế trước tiên có nghĩa là Thiên Chúa là Đấng hoàn toàn khác, đáng vô phương dò thấu, đáng không thể nắm bắt được: ‘Ta sẽ tỏ vinh quang và sự thánh thiện của Ta. Ta sẽ làm cho muôn dân biết Ta và họ sẽ biết Ta là Đấng Hằng Cửu’ (Ed 38,23).

Thiên Chúa là thánh ở chỗ Người chỉ tỏ mình và thông tin cho ta biết qua những hoạt động của Người. Những sự kiện vĩ đại trong lịch sử cứu độ đã mạc khải cho con người biết sự thánh thiện và vinh quang vô cùng mầu nhiệm của Thiên Chúa.

Israen có sứ mạng phải công bố cho mọi nước biết điều đó. Nhưng họ đã thất bại trong ơn gọi này, họ đã làm ‘tục hoá’ tên của Thiên Chúa. Chính vì thế, đến thời Mêsia, Đức Kitô ‘đáng thánh của Thiên Chúa’ sẽ chu toàn sứ mạng này.

‘Vì họ con xin thánh hiến chính mình Con, để nhờ chân lý, họ cũng được thánh hiến’ (Ga 17,19). Khi khám phá ra mầu nhiệm khôn dò của Thiên Chúa, khi nhận diện được ý nghĩa của những việc oanh liệt trong lịch sử, người tín hữu phải tôn vinh, ca ngợi và cảm tạ Thiên Chúa bằng cả cuộc đời. Thờ lạy và tạ ơn vì ‘Anh em hãy sống thánh thiện trong cách ăn nết ở, để nên giống Đấng Chí Thánh đã kêu gọi anh em. Vì có lời Kinh Thánh chép: Hãy sống thánh thiện, vì Ta là Đấng Thánh’ (1 Pr 1,15-16).

Mọi Kitô hữu đều được tin vui này huy động làm sứ giả của tin vui này, làm muối và ánh sáng thế gian, làm chứng nhân của Thiên Chúa thánh thiện. ‘Nếu mọi hành vi của chúng ta đều xứng đáng với sự cao cả của Cha chúng ta, chúng sẽ làm cho miệng lưỡi mọi người mở

ra ca ngợi Đấng đã làm cho chúng ta nên cao cả. Anh em hãy cố gắng ăn ở như thế' (Théodore de Mopsueste).

Lời cầu xin đầu tiên của kinh Lạy Cha không phải chỉ có tầm vóc phổ quát, mà nó còn có ý nghĩa cánh chung nữa, nghĩa là lời cầu xin ấy liên hệ đến toàn thể thời gian, từ đầu cho đến phút cuối. Nó có liên hệ đến một công trình duy nhất mà Thiên Chúa là người khởi xướng, Con Thiên Chúa là người thánh hiến; công trình ấy chỉ hoàn tất vào ngày tất cả những ai thờ lạy, ngợi khen và tôn vinh Thiên Chúa được qui tụ lại trong nhà Cha. Tertullien nói thêm: ngay từ bây giờ, chúng ta đã góp tiếng với các thánh đã được tuyển chọn 'và chúng ta đang đóng thử vai trò của mình trong thân phận tương lai'.

- **Nước Cha trị đến:** Theo chiều hướng cứu thế, thánh hoá danh Thiên Chúa cũng là làm cho Nước Chúa xuất hiện. Như thế lời cầu xin thứ hai hậu thuẫn và cụ thể hoá lời cầu xin thứ nhất. Vương quốc hay triều đại đang nói tới ở đây chính là mục tiêu chủ yếu mà Đức Giêsu muốn nhắm tới trong lời Người giảng và trong các việc Người làm. Chữ này trong tiếng Hy Lạp vừa có nghĩa là vương quốc, vương quyền và triều đại.

Chủ đề Nước Trời, được trình bày trong các dụ ngôn, bắt nguồn từ chỗ người ta đang hy vọng về một thời đại mới, lúc đó Thiên Chúa sẽ được mọi người nhìn nhận là vua và Người sẽ ban cho thần dân Người đủ mọi ơn huệ.

Nếu triều đại Đavít chỉ cho ta linh cảm điều đó thì khi Đức Kitô đến Người đã thực hiện được. Mầu nhiệm Nước Trời dường như được đồng hoá với sự xuất hiện của Đức Giêsu và sự nghiệp của Người. Các phép lạ chính là dấu chứng tỏ Nước ấy đã được thiết lập, và nước của Satan đã bị sụp đổ.

Nhưng muốn triều đại Thiên Chúa được thiết lập vĩnh viễn, trọn vẹn, thì thật khó hiểu: Đức Kitô phải bị khai trừ, bị đóng đinh, trong tư cách là 'vua dân Do thái'. Và một khi sống lại, một khi được nâng lên bên hữu Thiên Chúa trong vinh quang, là Người đã nắm được vương quyền. Biến cố Vượt qua đã có ảnh hưởng trên toàn bộ thời gian. Tuy nhiên, lịch sử chưa kết liễu. Các lực lượng thù nghịch vẫn còn hoạt động, còn đe dọa, nên người Kitô hữu vẫn cầu xin cho chóng tới ngày hoàn tất công trình mà Đức Kitô đã thực hiện.

Theo Kinh Lạy Cha, chúng ta đọc: Chúng con nguyện cho 'Nước Cha trị đến!'. Còn theo sách Khải Huyền, Thiên Chúa được gọi là 'Đấng đang tới'. Thiên Chúa là Đấng đã làm cho thời gian trụ lại được, có ý nghĩa và được sung mãn. Người Kitô hữu vẫn bị giằng co giữa 'cái đã có' và 'cái chưa có'. Chính sự giằng co ấy là nguồn gốc tạo ra tình trạng bi thảm, nhưng đồng thời cũng là sức mạnh làm chuyển động lịch sử. Từ khi Đức Vua đến cho tới khi Nước Người xuất hiện, căng thẳng ấy vẫn còn mãi.

Nhờ có quãng thời gian giữa ta với ngày tận thế, Thiên Chúa mới có giờ thiết lập chủ quyền trên tạo vật, qua dòng lịch sử. Giáo hội sinh ra là để hưởng ngày hoàn thành đó, cũng như được sinh ra trong sự chờ đợi ngày hoàn thành đó. Sự căng thẳng ấy chẳng những không thụ

động, mà còn đẩy ta tới sự hoạt động. Tin Mừng đã so sánh Nước Chúa với một hạt giống, một nhóm men đang hoạt động, phát triển và tiến tới mức hoàn thành. Nước Chúa cũng sẽ gặp những trì trệ, những trở ngại, nhưng không gì có thể cản bước tiến của Nước ấy.

Thánh Gio-an tác giả sách Khải Huyền so sánh Giáo hội với người đàn bà đang mang thai, tuy đau đớn nhưng sắp khai sinh một thế hệ mới. Sự căng thẳng này càng trở nên nghiêm trọng trong những thời kỳ bách hại, như sách Khải Huyền đã thuật lại: trong những thời kỳ đó các kẻ được Chúa chọn sẽ kiệt lực, rã rời và la lên: ‘Lạy Chúa, còn đến bao giờ nữa...’.

Các dụ ngôn về Nước Trời cho thấy những gì nói về Giáo hội cũng là để nói về mỗi thành phần trong Giáo hội ấy. Mỗi người có bổn phận phải cộng tác làm cho Nước ấy xuất hiện, làm cho ngày ấy chóng tới. Khi lặp lại lời cầu xin này, người Kitô hữu lại ý thức rõ hơn mình lên đường là để làm gì: để gặp Đức Kitô vinh quang.

‘Người là sự sống lại của chúng ta – trong Người chúng ta sẽ sống lại – nên Người cũng là vương triều của Thiên Chúa, vì trong Người chúng ta sẽ hiển trị’. Các tín hữu dán chặt mắt nhìn vào đích điểm hạnh phúc đó, lòng đầy ao ước và chờ mong, họ kêu lên: chúng con nguyện cho Nước Cha trị đến!’. ‘Như lương tâm làm chứng với họ, họ biết rõ rằng hễ khi nào Nước ấy xuất hiện họ sẽ được vào chung hưởng Nước ấy’ (J. Cassien).

- **Ý Cha được thể hiện:** Trước hết cần xác định ý nghĩa đúng đắn của câu này. Động từ Hy Lạp ở đây không có ngôi, vì thế phải dịch một cách vô thưởng vô phạt như sau: Ý Cha được thể hiện, Ý Cha được thành tựu! Không thấy xác định ai là tác giả làm nên chuyện đó.

Lời cầu xin thứ ba này cũng nằm trong cùng một chiều hướng như hai lời cầu xin trước. Hay đúng hơn, nó là mức hoàn thành của hai lời cầu xin kia và là hai lời cầu xin kia được nội tâm hoá, như Đức Kitô thường làm. Bởi vì ý muốn của Thiên Chúa cũng là kế hoạch cứu độ của Người.

‘Thiên Chúa muốn cho mọi người được cứu độ’ (1Tm 2,4). Để đạt được mục tiêu đó, Người dẫn dắt lịch sử nói chung cũng như mỗi một biến cố nói riêng, từ những biến cố đặc biệt đến những biến cố tầm thường, Người dẫn dắt tất cả để làm cho con người được triển nở, rồi đưa con người đến hạnh phúc thật.

Con người được bao hàm trong kế hoạch cứu độ, và theo kế hoạch ấy con người được đặt vào trong công trình vĩ đại mà Chúa đang thực hiện qua thời gian. Luật được ban cho dân Do thái làm đèn soi sáng con đường. Thế nhưng tâm trí con người quá nặng nề nên chỉ dừng lại với vẻ bên ngoài của luật, có tính cưỡng chế, thay vì tập đọc luật từ bên trong như nơi biểu hiện lòng từ tâm của Thiên Chúa.

Thế là ý Chúa đụng chạm với ý muốn của con người, khi con người coi ý Chúa là bước cản trở sự tự do của mình, là sự tổn thương cho tự do của mình. Lúc ấy, kẻ có tội sẽ đi tìm sự phát triển bản thân ngoài Thiên Chúa; hấn không chịu hội nhập vào trong kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa.

Đang khi đó Đức Kitô, khuôn mẫu của con người thập toàn, không nhắm một mục đích nào khác ngoài việc chu toàn công việc mà Cha đã giao cho mình. Người nói: ‘Lương thực nuôi sống Thầy là thi hành ý muốn của Đấng đã sai Thầy và hoàn tất công trình của Người’ (Ga 4,34). ‘Lương thực’, nghĩa là cái làm cho Thầy sống và hoạt động được. Ý muốn của Cha chính là lý do khiến Đức Giêsu đến trần gian và thi hành sứ mạng.

Đức Giêsu không từ khước luật, nhưng từ khước cách đọc luật quá nô lệ. Người muốn đọc luật từ bên trong, muốn tìm ra nơi đó tình thương của Chúa Cha đang giáo dục mình. Chính vì thế, thay vì bãi bỏ, Người coi luật ấy như của mình, rồi đưa nó tới mức kiện toàn từ bên trong.

Thế nhưng, từng phục ý Cha với tâm tình con thảo như vậy chẳng những không làm cho cuộc sống của Người hết bi thảm mà còn khiến nó bị người đời công kích và bị đưa ra đương đầu với tội lỗi thế gian; tội lỗi này rút cuộc Người vừa phải gánh lấy vừa phải chiến thắng. Nhìn hoạt cảnh xảy ra ở vườn Ghếtsemani, ta có thể đo lường được tấn bi kịch đè trên vai Đức Kitô nặng tới mức nào. Người bị chấn động không phải do ý muốn của Người và ý muốn của Cha đối chọi nhau, nhưng vì Người kinh hãi khi đứng trước nhiệm vụ mà kế hoạch cứu độ đòi Người phải thi hành. Trước công việc mà mình có bổn phận phải hoàn thành, con người ấy đã run sợ nhưng không khước từ thực hiện.

Gương Đức Giêsu giúp ta hiểu hết tâm vóc của lời cầu xin: chúng con nguyện ý Cha được thể hiện! Trước hết đó có nghĩa là đón nhận hồng ân Chúa ban và đón nhận ơn cứu độ đang hoạt động. ‘Le Pasteur d’Herma’, một cuốn sách viết vào những thế kỷ đầu của Kitô giáo, đã mô tả Giáo hội như một cái tháp đang được xây dựng. Trước khi được đưa vào xây, ta chỉ có những tội nhân. Chỉ cần ăn năn là họ sẽ tìm được chỗ trong công trình xây dựng ấy. Muốn tồn tại trong công trình ấy, cần phải kết hợp với Đức Kitô, với Giáo hội đang được xây dựng. Đức Giêsu đã nói: ‘Chẳng ai đến với Tôi được, nếu Chúa Cha, là Đấng đã sai Tôi, không lôi kéo người ấy’ (Ga 6,44).

Qua lời nguyện trên, chúng ta cầu xin Chúa kéo ta thật mạnh, xin Người soi sáng và củng cố ý chí của ta, giúp ta biết ngoan ngoãn trước mọi sự thúc đẩy của ân sủng. Khi ta lấy ý Chúa làm ý mình, đến hết khả năng ra đón lấy, là ý Chúa đã được thực hiện.

Thánh Phaolô và các bậc thầy tu đức tiếp sau ngài đã phân tích bi kịch của một con người luôn bị giằng co. Văn hào Jean Racine cũng đã từng nói: ‘Lạy Chúa tôi, ôi cuộc chiến thật là tàn bạo ! Nơi tôi có tới hai người’.

Trong lúc bấn loạn như thế, người Kitô hữu cầu xin Chúa cho mình thấy rõ ý muốn của Người, can đảm đem cả cuộc đời và mọi sinh hoạt của mình ra phục vụ ý muốn ấy. Vì như thánh François (Assise) đã nói: ‘Con người có giá trị thế nào là tùy theo hành vi của nó’. Tin Mừng chính là qui luật sống qui định mọi sự ứng xử và dẫn thân của ta. Có thể, Lời Chúa, nơi biểu hiện ý Người, mới trở thành lương thực nuôi sống ta. Đó cũng chính là ý nghĩa của



đoạn sách Khải Huyền, theo đó tác giả bị yêu cầu phải ‘nuốt lấy cuốn sách. Nó sẽ làm cho bụng dạ ông phải cay đắng nhưng trong miệng ông nó sẽ ngọt ngào như mật ong’ (Kh 10,9)

Sự vâng phục của người Kitô hữu không phải là chấp nhận bị tổn thương hay cưỡng bức, mà là tự nguyện đồng ý với kế hoạch của Thiên Chúa và những đòi hỏi của Tin Mừng như một người con hiếu thảo. Vâng phục là chấp nhận bước vào cuộc chơi của Thiên Chúa, chấp nhận tiến xa hơn trong mầu nhiệm cứu độ, để cho ý Chúa chiếm lấy cuộc đời mình và kéo mình theo: một sự vâng phục không còn miễn cưỡng như của người nô lệ nữa, nhưng đầy tươi vui của con cái Chúa.

Ngôn sứ Hôsê đã từng nói: ‘Ta sẽ kéo chúng lại bằng dây loài người, bằng tình yêu’. Với những ai đã có Chúa là Cha, thì ý muốn của Người chính là dấu biểu hiện tình thương của Người, và tình thương ấy sẽ đưa ta đến gặp Người.

Khi được hỏi muốn mang tên gì khi về trời, chị Elisabeth de la Trinité trả lời: ‘Thánh ý Chúa’.

- **Dưới đất cũng như trên trời:** Mấy chữ vắn tắt này không phải chỉ bỏ nghĩa cho lời cầu xin thứ ba thôi, nghĩa là xin cho ý Cha được thể hiện dưới đất cũng như trên trời, mà còn áp dụng cho cả ba lời cầu xin, như Origène lưu ý: ‘Chúng ta cầu xin cho dưới đất cũng như trên trời, danh Cha cả sáng, nước Cha trị đến, ý Cha được thể hiện’.

Kinh thánh có nói:

‘Muôn làm gì là Chúa làm nên,  
Chón trời cao cùng nơi đất thấp  
Lòng biển cả và đáy vực sâu’ (Tv 135,6).

Nếu quả thật mấy chữ ‘dưới đất cũng như trên trời’ liên hệ tới cả ba lời cầu xin, thì như vậy nó mang một ý nghĩa vừa có tính cách vũ trụ vừa có tính cách cánh chung. Lời cầu nguyện này là một lời mời gọi động viên toàn thể tạo vật, dưới sự trách nhiệm của con người, cộng tác vào công cuộc cứu độ mà Thiên Chúa đã giao cho Con mình thực hiện. Công cuộc ấy được thực hiện mỗi ngày do mọi nỗ lực liên kết lại, cho tới khi lịch sử kết thúc.

Lúc muôn loài đã qui phục Đức Kitô, thì chính Người, vì là Con, cũng sẽ qui phục Đấng bắt muôn loài phải qui phục Người; và như vậy, Thiên Chúa có toàn quyền trên muôn loài’ (1Cr 15,28). Thiên Chúa tỏ mình ra không phải để thống trị các tên nô lệ, nhưng là để ngự trị trên các tâm hồn, Người vui tươi khi thấy các tâm hồn ấy ưng thuận với Người. Chúng ta được mời góp phần biến đổi thế giới và chuẩn bị ‘một trời mới, đất mới’.

Như vậy giữa ba lời cầu xin của kinh Lạy Cha có sự thống nhất và tiến bộ từ từ. Cả ba đều bao hàm thái độ từ Thiên Chúa và sự đáp trả từ phía con người; hai bên cùng nhau tìm cách

thực hiện mầu nhiệm cứu độ duy nhất, và mầu nhiệm ấy được thực hiện ngày này sang ngày khác cho tới khi hoàn tất qua một lần thực hiện dứt điểm và trọn vẹn.

- **Xin cho chúng con hôm nay lương thực cần dùng:** Mới nhìn qua, phần hai của kinh Lạy Cha có vẻ trái ngược với phần một. Nếu những lời cầu xin đầu tiên (đã giải thích ở trên) có liên hệ đến kế hoạch cứu độ, thì các lời cầu xin còn lại của kinh Lạy Cha lại đề cập đến những nhu cầu hằng ngày, thậm chí những nhu cầu trần tục của con người như lương thực để ăn. Các lời cầu xin này không ăn khớp với nhau một cách rõ ràng lắm so với các lời cầu xin trước.

Hầu hết các Giáo phụ đều coi lương thực nhắc đến trong kinh Lạy Cha là hình ảnh ám chỉ bí tích Thánh Thể, đôi khi còn đi tới chỗ loại bỏ hẳn ý nghĩa lương thực phạm trần. Thật ra, lương thực nói đến ở đây trước tiên và chủ yếu là lương thực để ăn, lương thực nuôi sống người nghèo. Trong Kinh Thánh, khi nói ban bánh là có ý nói nuôi ăn, cấp đỡ cho các nhu cầu. Như trong sách Châm ngôn:

‘Xin đừng cho tôi giàu sang hay nghèo nàn,  
Chỉ xin cho có một phần bánh thôi’ (Cn 30,8)

Chắc hẳn lời cầu xin này không còn âm vang với chúng ta hôm nay như với các Kitô hữu ngày xưa nữa. Ngày trước, lương thực hằng ngày là một thí dụ rất gợi cảm để nói lên những ân huệ Thiên Chúa ban cho chúng ta. Như thánh Gioan đã lưu ý, nó làm cho ta nhớ tới manna mà Chúa đã ban cho dân Người trên đường xuất hành khi băng qua sa mạc. Như tấm bánh mà Đức Giêsu bẻ ra, trong giờ ăn được nhân lên một cách lạ lùng, đã làm đám dân đang đói nhớ tới manna ngày xưa ấy.

Khi dạy các Kitô hữu cầu xin lương thực hằng ngày, kinh Lạy Cha đã bắt chước Thánh Kinh kín đáo nhắc nhở chúng ta rằng mọi sự đều do Chúa ban cho, mọi sự đều là phúc lộc của trời cao, kể cả khi đó là phần thưởng cho nỗ lực và vất vả của chúng ta. Không có chuyện giải quyết theo thứ tự xác rồi đến hồn, vì trong thời gian cũng như trong vĩnh cửu cả hai quyện lẫn và liên kết với nhau chặt chẽ đến nỗi không thể gỡ ra được. Con người cầu nguyện, kêu gọi, đau khổ, hy vọng là con người toàn diện. Vì thế, con người toàn diện ấy phải được nuôi sống ít nhất là ở mức tối thiểu, thì mới sống Tin Mừng được.

Kinh Lạy Cha dạy ta chỉ xin lương thực đủ cho ngày, để khuyên ta ngày ngày hãy sống trong vòng tay Chúa, như đứa con cái gì cũng chờ Cha ban. Kinh ấy cũng thúc giục ta đừng có tích trữ, bởi vì phần thặng dư là phần của người túng thiếu. Là khách lữ hành trong cuộc Vượt qua mới, chúng ta phải có tâm hồn nghèo khó, tìm kiếm Nước Chúa trên hết, không quá lo tới ngày mai.

‘Xin Cha cho chúng con’, một lời cầu xin ở số nhiều. Điều đó muốn dạy ta phải cầu nguyện chung với những người thiếu thốn lương thực hằng ngày, cũng như phải cầu nguyện cho

những người ấy. Đừng quên rằng phân nửa thế giới ở trong tình trạng kém dinh dưỡng. Lời cầu xin này vừa là lời cầu cứu Thiên Chúa vừa là tiếng gọi những ai đang nắm giữ độc quyền của cải trần gian vì Thiên Chúa ban cho của cải ấy là ban cho hết mọi người. Đó là lời nhắc nhở những người có của, những nước giàu rằng họ chỉ là người quản lý của Thiên Chúa, họ phải chịu trách nhiệm phân phối của cải sao cho công bình.

Khi cầu xin lương thực như thế, người Kitô hữu càng đi sâu vào tấn bi kịch của thế giới, càng đi sâu vào giữa lòng nhân loại hôm nay. Không phải để đổ lỗi cho người Kitô hữu, mà để động viên họ khi thấy họ đói, ai cần thì phải giúp họ thấy khuôn mặt của Đức Kitô, Người là Đấng có đủ mọi sự giàu sang mà lại chấp nhận trở nên nghèo nàn.

Với lời cầu xin này ta thấy rõ chiều dọc và chiều ngang phải cân xứng nhau, có chiều này mà không có chiều kia là què cụt. Cha De Lubac đã từng nói: thiên đàng xã hội nhưng có thể là sa mạc tâm hồn. Người nghèo chính là bí tích nói lên thân phận của chúng ta trước cửa nhà Thiên Chúa. Bất cứ ai, dù giàu đến đâu, khi cầu nguyện cũng chỉ là người ăn xin.

Người ta không chỉ sống nhờ cơm bánh. Đó là điều Đức Giêsu trong Tin Mừng Gioan muốn nói, trong bài giáo lý tiếp theo sau thuật trình bánh hoá nhiều. Đức Giêsu đến không phải để làm một việc phụ trội, nhưng để đáp lại những tiếng gọi rất sâu xa. ‘Cái hơn ấy ở trong chính bản thân anh’. Bánh hoá nhiều, phép lạ ấy phải làm ta nhận ra nơi mình còn có một nguyện vọng cao hơn nữa, một sự đói khát mà chỉ mình Chúa mới có thể thoả mãn được khi ta được ở với Người trong Nước Trời.

Đó là ý nghĩa của việc cầu xin lương thực cũng như của những thuật trình khác ghi lại trong Tin Mừng Gioan, như tiệc cưới Cana, hoá bánh ra nhiều, chữa lành bệnh tật. Ý nghĩa thiêng liêng của những thuật trình đó không dẹp bỏ mà còn giả thiết phải có ý nghĩa lịch sử trước đã. Ta sẽ làm hồng lời cầu xin lương thực trong kinh Lạy Cha nếu chỉ giới hạn lương thực ấy là lương thực vật chất hay chỉ nhìn lương thực ấy theo nghĩa thiêng liêng thuần túy, không đặt nó vào trong bi kịch của con người và thế giới.

**- Xin tha nợ chúng con, như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con:** Ở đây, Đức Giêsu mượn hình ảnh cho vay và mắc nợ trong thế giới thương mại. Chủ nợ có quyền trên con nợ. Chủ nợ có thể thi hành quyền ấy nhưng cũng có thể vì làm phúc mà bỏ quyền ấy. Hình ảnh này thường được dùng theo nghĩa tôn giáo. Một tội phạm đến Chúa sẽ được coi như một sự vi phạm cần phải sửa chữa, trừ khi nào ta được Chúa tha cho cái nợ đó, được Người tha thứ. Như vậy, nếu nói theo ngôn ngữ hôm nay, ta sẽ cầu nguyện theo bản văn của Luca: ‘Xin tha tội chúng con’.

Tha tội là một việc tối quan trọng trong Cựu ước cũng như Tân ước. Tội lỗi không phải chỉ là một sự lỗi phạm của cá nhân đối với Chúa, vì nó làm nhục tới chủ quyền của Thiên Chúa, hơn thế nữa nó làm thương tổn tới tình yêu của một người Cha, một người Chồng. Thiên Chúa rất đau khổ khi thấy con người từ khước tình yêu của Người và đi vào chỗ hư thân. Các lời hứa quan trọng của các ngôn sứ thường trình bày kỹ nguyên của Đấng Mêsia là kỹ

nguyên tha hết mọi nợ nần, xoá hết mọi tội, thanh tẩy toàn vẹn con người và xoay chuyển tâm hồn con người. Theo sách ngôn sứ Isaia, Người Tôi Tớ của Giavê sẽ gánh lấy tội của thế gian (Is 53,7). Bởi vậy, Gioan Tẩy giả đã tóm tắt thế nào là chờ đợi Đấng Mêsia: đó là nhận ‘phép rửa thông hối, để được tha tội’ (Mt 1,21).

Như thế, đây là một chủ đề cốt yếu của Tin Mừng. Tha tội là đặc điểm của trật tự mới, một trật tự phải chi phối những quan hệ giữa Thiên Chúa và con người. Nội dung giảng dạy của Đức Giêsu là nói lên nỗi lòng của Chúa Cha muốn tha thứ, Người muốn cứu những gì đã hư mất và Người đã vui tươi khi đón đưa con phung phí trở về. Lời cuối cùng của Đức Giêsu trên thánh giá cũng là một lời cầu xin tha cho các người hành quyết. Thập giá ấy cho ta thấy một cách thật ngỡ ngàng tình thương của Thiên Chúa còn lớn hơn tội lỗi.

Trước tình thương ân cần và cho không ấy của Thiên Chúa, con người mãi mãi vẫn là con nợ. Thậm chí là một con nợ không thể trả nổi, như dụ ngôn Mt 18, 23-35 đã nói. Ý thức được tội lỗi của mình – bước đầu của việc hoán cải – là kết quả đầu tiên của ơn Chúa. Có nhắc đi nhắc lại từ lúc còn bé rằng con người là kẻ có tội cũng chẳng ích gì. Vì đây là một sự thật mà chỉ lớn lên ta mới đánh giá hết được, và càng được giải cứu ta càng thấy đó là một sự thật.

Thiên Chúa tha thứ không phải chỉ là xá miễn thôi, nhưng còn là biến đổi tâm hồn chúng ta, cho tâm hồn ta ngập tràn tình yêu bao la của Người, để đến lượt mình ta cũng tha cho những lỗi phạm của người khác, của những đứa con cùng Cha với chúng ta. Bởi thế, kinh Lạy Cha đặt song song việc Chúa tha thứ và việc ta thứ tha.

Ngoài ra ta cũng cần đọc lại bản văn này cho chính xác và ta sẽ thấy không phải như công thức ta thường đọc. Lẽ ra phải dịch là: ‘Xin tha nợ chúng con, như chúng con đã tha kẻ có nợ chúng con’. Các Giáo phụ Hy Lạp rất nhạy cảm với những chi tiết ngôn ngữ lẫn thần học, nên không những đã dịch như thế mà còn lấy việc ta phải tha trước (‘chúng con đã tha’) làm mũi nhọn để lý luận. Như thánh Jean Chrysostome đã viết: ‘Nếu chúng ta có tha thì người ta mới tha cho chúng ta. Chính chúng ta định mức cho ơn tha thứ. Nếu bạn tha thứ cho một người như bạn, tôi xin hứa tôi sẽ tha thứ cho bạn’. Không phải vì ta tha mà Chúa mới tha, nhưng việc ta tha sẽ chi phối việc Chúa thứ tha, dù Người vẫn tự do trong việc này.

Nếu có so sánh thì sẽ khác nhiều hơn giống. Dù có khả năng tha thứ, nhưng con người tự mình vẫn là con nợ và vì thế cần được thứ tha. Đang khi đó Thiên Chúa luôn luôn là chủ nợ của con người. Lỗi người khác phạm đến ta có sá gì so với món nợ ta mắc với Chúa! Tuy nhiên điều đáng nói nhất là Thiên Chúa tha thứ không phải vì bị ép, không giống ai, Người tha thứ chỉ vì hào hiệp và từ tâm. Bởi vậy, chúng ta cũng phải tha thứ ‘tận đáy lòng’, nếu muốn Chúa tỏ lòng thương xót đối với ta.

Tha thứ là hành vi làm đảo lộn các quan hệ xã hội của ta, vì nó giúp ta nhìn những quan hệ ấy một cách mới mẻ, dưới ánh sáng của Chúa: tội nào cũng có kích thước cộng đoàn. Chỗ nào Chúa vắng bóng thì tội lỗi nảy nở sinh sôi, nó dựng nên những hàng rào ngăn cách con

người với nhau, chia rẽ cộng đoàn, gia tăng ngộ nhận và hận thù. Còn nơi nào Chúa qui tụ lại thì kẻ có tội sẽ tan hàng và phân tán khắp nơi.

Khi cầu nguyện, bạn hãy nhớ mình là con nợ. Và hãy thứ tha thì sẽ được Chúa tha thứ. So với món nợ của bạn với Chúa thì cái nợ người khác mắc với bạn có đáng gì! Chúa để bạn phán quyết đấy! Người cho bạn được quyền đối với phán quyết của Người. Nếu biết tha thứ, bạn sẽ nắm được bản án của Thiên Chúa trong tay. Chúng ta đã được đưa ra đối chất với phán quyết của Thiên Chúa: được cứu hay bị khai trừ là tùy theo ta có tha hay không chịu tha.

Tha thứ chẳng những không phải là một sự yếu đuối mà còn là một hành vi dũng cảm, một sự chiến thắng, thậm chí là một thái độ anh hùng, như khi người cha tha thứ cho kẻ đã giết con mình. Một lần nữa nhìn vào tấm gương của Đức Giêsu bị đóng đinh trên Núi Sọ và sự tha thứ của Người, ta sẽ bớt trách móc, dù là trách móc một cách hợp lý nhất.

Không có lời cầu xin nào được đức Giám mục thành Hippone (thánh Augustin) khai triển rộng rãi bằng lời cầu xin tha thứ này. Sở dĩ thế là vì ngài đã sống giữa một đám dân ưa tranh chấp và hận thù, đôi khi đi tới chỗ phạm tội ác. Với những đầu óc nóng nảy đó, tha thứ có vẻ như một việc vượt sức con người. Vì thế, ngài bảo họ nhìn vào tấm gương thánh Têphanô, một người dù bị ném đá như mưa nhưng vẫn cầu nguyện cho những kẻ đang giết mình.

‘Họ thì ném đá mà chẳng hề xin ngài thứ tha, còn ngài thì cầu nguyện cho họ. Đó chính là thái độ mà tôi muốn anh em nhìn xem. Hãy cố gắng vươn tới mức đó. Đừng để lòng mình cứ sà sà mặt đất hoài. Hãy nâng tâm hồn lên! Vâng, hãy leo cao tới mức đó. Hãy yêu thương thù địch. Vì nếu anh em không tha, thì tôi xin nói, chẳng những anh em đã xoá sạch khỏi lòng mình bài Kinh Chúa dạy, mà chính anh em cũng sẽ bị xoá tên khỏi sách sự sống.’ Ngày nay những tấm gương tha thứ như thế còn nhiều lắm. Gần chúng ta hơn, chỉ cần kể ra Maximilien Kolbe, mục sư Bonhoeffer, đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II.

**- Xin chớ để chúng con sa chước cám dỗ, nhưng cứu chúng con cho khỏi ác thần:** Lời cầu xin thứ năm và thứ sáu phải được đọc một mạch, vì cả hai làm thành một đơn vị thống nhất. Bởi thế, không được cắt hai, như một số nhà chú giải đã làm, vì Ác thần được nhắc tới ở đây chính là chìa khoá giúp ta hiểu rõ toàn bộ lời cầu xin. Ngoài ra, câu này cũng rất khó dịch. Nếu dịch là ‘Xin đừng đưa chúng con vào cơn cám dỗ’, thì có vẻ như ta đã cho Chúa là tác giả gây ra cơn cám dỗ. Thế nhưng theo phần sau của lời nguyện thì chính Ác thần, thiên thần của sự dữ, đã gây ra điều đó. Bởi vậy, Giáo hội ngày xưa thường có khuynh hướng dịch là:

‘Xin đừng để chúng con ngã trong cám dỗ’. Khi lưu ý chữ ‘cám dỗ’ rất hàm hồ nghi nghĩa, thánh Augustin đã đưa ra nhiều sự phân biệt rất cần thiết. Chữ này có thể ám chỉ những thử thách rải rác trong cuộc đời trần gian của mỗi người. Nếu thế thì thật không hợp lý chút nào khi xin Chúa cho ta thoát khỏi mọi khó khăn trong cuộc sống, vì những khó khăn đó sẽ giúp

thanh luyện ta, như sách Đệ nhị Luật đã từng nói: ‘Đức Chúa thử thách ta để xem ta có yêu Người không’.

Suốt dòng lịch sử, Thiên Chúa đã thử thách những kẻ Người đã chọn như Ápraham, Gióp, những người công chính. Người đã cho phép Đức Giêsu bị cám dỗ ở hoang địa và, trong những lần khác, bị cám dỗ bỏ sứ mạng của Người Tôi Trung đau khổ.

Thiên Chúa không muốn miễn cho người tín hữu Người khỏi chiến đấu, nhưng Người trang bị cho họ và tập cho họ dạn dĩ với đấu tranh. Vì thế, chúng ta không xin cho mình luôn luôn bất khả thắng mỗi khi gặp thử thách. Cám dỗ đề cập ở đây không phải do Thiên Chúa nhưng là do Tên Cám Dỗ gây ra, mà ở cuối lời cầu xin ta có nêu đích danh nó: Ác thần. Nếu vậy, cách dịch ‘xin cứu chúng con khỏi tay Ác thần’, mà Giáo hội ngày xưa cũng như đa số các nhà chú giải chấp nhận, có lẽ đúng đắn hơn. Lời cầu xin đó như vọng lại một lời nguyện của Đức Giêsu: ‘Lạy Cha, Con không xin Cha kéo chúng ra khỏi thế gian, nhưng xin Cha gìn giữ chúng khỏi tay Ác thần’.

Qua kinh Lạy Cha này, cũng như qua toàn bộ Tin Mừng, ta thấy rằng công trình của Chúa và sứ mạng của Đức Giêsu luôn luôn bị các quyền lực thù nghịch của sự dữ cản trở. Đức Kitô đã phải chiến đấu cả đời, vì sứ mạng của Người là làm sao thành lập Nước Chúa và công bố chủ quyền của Thiên Chúa trên những kẻ Tiếm Đoạt đã giựt mất. Cuộc phục sinh của Đức Kitô là bằng chứng để xác nhận trước hết Satan đã đại bại và Cha Người đã thống lĩnh tất cả. Nhưng tuy đã thất trận rồi, Tên Cám Dỗ ấy vẫn còn tác hại trong những biến động của thời sau hết này. Nó vẫn tiếp tục quấy phá những người đã được phép rửa và ơn thánh giải thoát khỏi ách thống trị của nó. Đó là tại sao có những tiếng kêu la của những kẻ bị bách hại, mà sách Khải Huyền đã thuật lại, và của những con người trong lịch sử đã thuộc về Thiên Chúa. Các nhà huyền nghiệm như cha sở họ Ars, như Marthe Robin hẳn đã hiểu rõ điều đó hơn các nhà thần học.

Như thế, mọi Kitô hữu đều bị lôi cuốn vào trong trận chiến vĩ đại mà nhà thấu thị ở đảo Patmos là thánh Gio-an tông đồ đã mô tả. Những Tên Cám Dỗ ấy sẽ không tác oai tác quái được với các Kitô hữu nếu nó không gặp được sự đồng lõa tại chỗ, nghĩa là trong tâm hồn của con người. ‘Dù là ma quỷ hay vây cánh của nó cũng chẳng làm gì được bạn, nếu nó chỉ cám dỗ bạn ở bên ngoài. Muốn cám dỗ bạn nó thường đề nghị một món lợi rất lớn. Tuy nhiên nếu bên trong mình không có sự tham lam đồng lõa thì đề nghị ấy chẳng có ảnh hưởng gì trên bạn’. Đó là phân tích của đức Giám mục thành Hippone.

Sau cùng, các thử thách và cám dỗ trong cuộc sống đều là những hình ảnh cho ta thấy trước những đặc điểm của con thử thách cuối cùng, con thử thách tội bực. Tin Mừng và văn chương Khải Huyền Kitô giáo đã cho ta biết vào ngày tận thế các lực lượng ma quỷ mà xưa nay Đức Giêsu hằng nhắc ta đề phòng sẽ được mở trời tung hoành. Lúc đó chỉ cần tình yêu phai nhạt đi một chút cũng đủ để loại ta khỏi Nước Trời. Chúng ta cầu xin cho khỏi sa ngã trong cơn thử thách quan trọng đó.

Lời cầu nguyện của chúng ta ở đây chính là một lời tuyên xưng mình tin vào quyền năng Thiên Chúa, vì Người đã thắng Thủ lãnh thế gian này, nhờ sự chiến thắng của Đức Giêsu phục sinh. Lời cầu nguyện của chúng ta cũng là một cách kêu gọi ta tỉnh thức để luôn luôn sẵn sàng đón Chúa đến. Sau hết, lời cầu nguyện ấy chính là một tiếng kêu đầy hy vọng, tin tưởng rằng ơn Chúa sẽ làm cho ‘bất cứ ai sinh bởi Thiên Chúa’ (Ga 5,18) khỏi bị nhiễm độc. Vì Chúa Cha ‘đắt ta khỏi quyền lực tối tăm, và đưa vào Nước Con chí ái của Người’ (Cl 1,13).

Ngay trong sách Didachè, thế kỷ thứ 2, ta đã thấy có thêm câu vinh tụng kết thúc kinh Lạy Cha như sau: ‘Vì Chúa là vua uy quyền và vinh hiển muôn đời’. Câu nói này vốn của Do thái giáo và trong bản văn đầu không có câu ấy. Hình như câu ấy, ngay từ những thế kỷ đầu, đã được thêm vào kinh Lạy Cha do các cộng đồng Kitô hữu ở Syrie và Palestin. Câu ấy được các Giáo hội Tin lành giữ lại, và mới đây đã được đưa vào lại trong kinh nguyện Kitô giáo.

### **15. Chúa Thánh Thần hướng dẫn cầu nguyện.**

Thánh Phao-lô nói: *“Thần Khí giúp đỡ chúng ta là những kẻ yếu hèn. Vì chúng ta không biết cầu nguyện thế nào cho phải, nhưng chính Thần Khí cầu thay nguyện giúp chúng ta bằng những tiếng rên siết khôn tả. Và Thiên Chúa, Đấng thấu suốt tâm can, biết Thần Khí muốn nói gì, vì Thần Khí cầu thay nguyện giúp cho các thánh theo đúng ý Thiên Chúa”* (Rm 8,26-27).

Với lời của thánh Phao-lô, chúng ta cùng để hai thần học gia tân thời là Cantalamessa và Rolheiser giúp chúng ta suy niệm và tìm hiểu. Trước hết là tâm tình sâu sắc của Ronald Rolheiser trong bài viết ngày 24.3.2014 “Cầu nguyện trong rên siết: ‘Khi chúng ta không biết cầu nguyện thế nào cho phải, thì Thần Khí cầu nguyện qua chúng ta, bằng những tiếng rên xiết khôn tả’.

Thánh Phaolô đã viết những lời này, và chúng chứa đựng cả một mặc khải quá đỗi kinh ngạc và một an ủi tuyệt diệu, cụ thể là có một lời cầu nguyện bên sâu tâm hồn, vượt ngoài ý thức và không lệ thuộc vào những nỗ lực chủ tâm của chúng ta. Vậy lời cầu nguyện vô thức này là gì? Đó chính là khát khao bẩm tính sâu lắng trong tâm hồn chúng ta, luôn cháy bỏng, mãi mãi chán nản, và chỉ cảm được qua tiếng rên xiết của thể xác và linh hồn, thỉnh lạng nài xin quyền uy vũ trụ, chứ không chỉ của mình Thiên Chúa, hãy để cho mọi sự được thành toàn.

Tôi xin đưa ra một ví dụ: Vài năm về trước, bạn tôi mua một căn nhà bỏ hoang không có người ở trong nhiều năm. Lối đi bị rạn nứt và một cây tre, cao khoảng một mét, ngoi lên qua lớp đá lót đường. Bạn tôi hạ cây tre, chặt tận gốc và để cố diệt hẳn, bạn tôi tưới chất độc vào rễ cây để diệt sạch những gì còn lại, rải sỏi và phủ một lớp bê tông đắp dày lên. Nhưng cái cây nhỏ đó không dễ dàng chịu thua. Hai năm sau, mặt đường bắt đầu bị nhô lên khi cây tre

ngoi đầu lên một lần nữa. Sức sống mãnh liệt của nó vẫn mò mẫm ngoi lên và vươn ra, bắt chấp lớp xi-măng bao phủ.

Đời sống, tất cả mọi đời sống, đều có những áp lực nội tại vô cùng mạnh mẽ, không dễ gì triệt tiêu. Nó cứ thôi thúc không ngừng nghỉ và mò mẫm đi đến đích của mình, bắt chấp mọi trở lực. Đôi khi trở lực không giết chết nó. Có những cơn bão mà chúng ta không vượt qua được. Nhưng chúng ta thắng vượt hầu hết những gì cuộc đời ném vào và nguyên tắc sống sâu bên trong vẫn mạnh mẽ và quyết liệt, cho dù bên ngoài chúng ta thấy nản lòng, các giấc mơ dần dần tan vỡ bịt miệng chúng ta trong tuyệt vọng câm lặng, đến mức đời sống cầu nguyện của chúng ta càng ngày càng ít hơn những gì chúng ta thực sự cảm nhận.

Chính qua trạng thái nản lòng đó, Thần Khí cầu nguyện, thăm thăm, thỉnh thoảng, trong tiếng rên xiết khôn tả. Trong những đấu tranh, khắc khoải, những giấc mơ tan vỡ, những giọt nước mắt, trong mộng ảo mà chúng ta lao mình vào, và trong cả những khát khao tính dục của mình, Thần Khí Thiên Chúa cầu thay nguyện giúp chúng ta, làm nên linh hồn và nguyên tắc sống của chúng ta. Như sức sống bằm sinh trong cây tre, trên sức sống mạnh mẽ và đang mò mẫm hoạt động trong chúng ta. Sức sống của Thần Khí đẩy chúng ta tiến tới và vượt ra ngoài, cuối cùng là bật tung lớp xi-măng đè trên chúng ta. Đó là sự thật, và tất nhiên, cũng là niềm hoan hỉ của chúng ta. Thần Khí cũng cầu nguyện qua lòng biết ơn của chúng ta, cả khi chúng ta ý thức và không ý thức về nó.

Những lời cầu nguyện thâm sâu nhất gần như không phải là những lời chúng ta cầu nguyện trong nhà nguyện riêng hay trong nhà thờ. Những lời cầu nguyện thâm sâu nhất được thầm thì trong lòng tri ân lặng lẽ và nước mắt âm thầm. Một người say sưa ca tụng danh Chúa và một người cay đắng nguyện rửa tên Ngài trong thù hận, theo cách thức rên xiết khác nhau, về căn bản, đều là cầu nguyện.

Chúng ta có thể rút ra nhiều bài học từ điều này. Thứ nhất, từ đây chúng ta học cách tha thứ cho cuộc đời với những chán chường của nó, và học cách để mình biết kiên nhẫn với đời và với bản thân hơn. Ai trong chúng ta không than vãn về những áp lực và chán chường trong cuộc đời đã đưa đẩy chúng ta ra xa, không cho chúng ta tận hưởng trọn vẹn niềm vui cuộc sống, tận hưởng mùi thơm của bông hoa, của những giờ phút trong gia đình, những cuộc vui với bạn bè, những giây phút yên tĩnh một mình, những lời cầu nguyện sâu đậm? Vì thế chúng ta luôn tìm cách để làm chậm lại, để tìm một nơi yên bình trong cuộc sống áp lực này để cầu nguyện. Nhưng sau khi vấp ngã hết lần này đến lần khác, cuối cùng chúng ta tuyệt vọng trong việc đi tìm một nơi yên tĩnh để chiêm niệm. Dù phải tiếp tục tìm kiếm, chúng ta vẫn có thể sống với niềm an ủi rằng, sâu bên trong những chán chường khi không thể tìm được một khoảng không yên tĩnh, đã là lời cầu nguyện rồi. Trong những tiếng rên xiết do sự bất xứng của chúng ta, Thần Khí đã cầu nguyện qua thể xác và linh hồn của chúng ta bằng một cách thâm sâu khôn tả.

Một trong những định nghĩa lâu đời và kinh điển nhất về cầu nguyện là: Cầu nguyện là “nâng lòng trí lên với Chúa”. Chúng ta thường thất bại khi cố gắng cầu nguyện chung hay riêng,



đúng nghĩa thật sự nâng lòng trí lên với Chúa. Vì sao? Vì thật sự lòng trí chúng ta, song song với lòng biết ơn và những ý nghĩ tốt đẹp của chúng ta, không phải là thứ mà chúng ta thường gắn với lời cầu nguyện. Chán nản, cay đắng, ghen tỵ, sắc dục, nguyên rửa, lười biếng, và những tuyệt vọng cam nín của chúng ta thường bị xem là đối nghịch với cầu nguyện, những thứ cần phải vượt qua để có thể cầu nguyện.

Nhưng những gì sâu sắc hơn không nằm hời hợt bên ngoài: Những chán nản, khát khao, dục vọng, ghen tỵ, và những ảo mộng thoát ly thực tế, những thứ chúng ta hổ thẹn không dám đưa vào lời cầu nguyện, thực sự lại là những gì nâng lòng trí chúng ta lên với Chúa một cách thành thật nhất mà chúng ta không bao giờ có thể chủ tâm làm được”.

Với Cantalamessa qua lời của thánh Phaolô, chúng ta thấy “trước hết tình cảnh yếu hèn của ta như Phaolô nói, tiên vàn phản ánh trong chính kinh nguyện của ta. Kinh nguyện của ta yếu hèn. Quả thực ta không biết xin gì, và cũng không biết xin thế nào cho phải. Yếu hèn hay bất toàn không chỉ ở trong những điều ta cầu xin, mà sâu xa hơn, còn ở trong chính thái độ và tinh thần của ta khi cầu nguyện. Cầu nguyện mà không hiệu quả, vì chúng ta là những con người xấu, xin những điều xấu, xin cách thức xấu (*mali mala male petimus*). Đó là do ta vẫn còn ích kỷ. Vậy Thần Khí đến giúp ta, điều chỉnh những gì xấu hay bất toàn nơi ta.

Phaolô quả quyết: ta không biết xin gì. Dường như quả quyết này không đúng với thực tế, vì khi cầu nguyện, chúng ta biết, thường là rất rõ, mình xin gì với Thiên Chúa. Chúng ta có khối điều để xin Ngài. Tuy vậy, thường ra chúng ta lại giống với bác nông dân mà một nhà tu đức xưa có lần đã đưa ra làm ví dụ. Bác được vinh dự bề kiến nhà vua, có thể trực tiếp bày tỏ nguyện vọng của mình. Nhiều nguyện vọng lắm. Đây là cơ hội có một không hai trong đời bác. Nhưng khi cơ hội đến, và được nhà vua hỏi, bác lại chỉ biết xin vua ban một tạ phân để bón ruộng!

Những điều chúng ta xin với Chúa thường cũng nhỏ nhặt như vậy, liên hệ tới lợi ích vật chất, chỉ giúp cho cuộc đời này. Chúng chỉ là “phân bón” so với những gì Chúa sẵn sàng ban cho ta. Chúng chỉ là những cái được ban thêm cho những ai tiên vàn biết tìm kiếm Nước Thiên Chúa.

Chúa Thánh Thần sẽ giúp ta về những điều phải xin. Ngài cầu thay nguyện giúp cho ta rập theo ý Thiên Chúa, tức là xin những điều Ngài biết là Thiên Chúa muốn ban cho ta qua kinh nguyện, và như vậy, kinh nguyện có hiệu quả. Thần Khí thấu suốt sự sâu thẳm của Thiên Chúa. Ngài biết dự định của Thiên Chúa như thế nào đối với ta.

Sự bất toàn đáng nói hơn không ở trong điều xin cho bằng ở nơi chính người xin, người cầu nguyện. Chúa Thánh Thần giúp đỡ sự yếu hèn của ta bằng cách điều chỉnh

tâm hồn ta. Ngài dạy ta cầu nguyện không phải như những con người xấu, mà là những con người tốt, với thái độ của con cái, chứ không phải của nô lệ.

Phaolô quả quyết rằng Thần Khí cầu nguyện nơi ta hoặc dạy ta cầu nguyện "bằng những tiếng rên siết khôn tả". Muốn hiểu Chúa Thánh Thần rên siết như thế nào, cách cầu nguyện của Thần Khí nơi ta như thế nào, cứ mở Kinh Thánh. Thần Khí cầu nguyện âm thầm nơi ta cũng chính là Thần Khí đã cầu nguyện mình nhiên trong Kinh Thánh. Đáng đã linh hứng những trang sách Kinh Thánh cũng đã linh hứng những kinh nguyện có trong Kinh Thánh. Những kinh nguyện đó là những tiếng rên siết khôn tả của Thần Khí. Ngài đã cầu nguyện trong Kinh Thánh thế nào, thì Ngài cũng đang cầu nguyện hôm nay trong Giáo Hội và trong các tâm hồn như vậy. Chúa Thánh Thần không có hai cách cầu nguyện khác nhau đâu. Thế nên chúng ta phải học tập cầu nguyện theo Kinh Thánh, để hài hoà chúng ta với Thần Khí, và học cầu nguyện như Ngài cầu nguyện và dạy người ta cầu nguyện.

Cái mới do Thần Khí mang lại cho đời sống cầu nguyện là ở chỗ Ngài tái tạo con người cầu nguyện thành con người mới, bạn hữu với Thiên Chúa, cất đi tấm lòng giả hình của người nô lệ. Khi đến với ta, Thần Khí không chỉ dạy ta cầu nguyện, nhưng còn cầu nguyện trong ta. Thần Khí không ban cho ta một luật cầu nguyện, nhưng là một ơn cầu nguyện. Phải có ơn đã, rồi ta mới tập cầu nguyện theo cung cách của Abraham, của Môsê, ngay cả của Đức Giêsu. "Thiên Chúa đã sai Thần Khí của Con mình đến ngự trong lòng anh em mà kêu lên: Abba, Cha ơi" (Gl 4,6). Chính đó là cầu nguyện "trong Thần Khí" hoặc "nhờ Thần Khí" (Ep 6,18).

Trong kinh nguyện cũng như trong những việc khác, Thần Khí không tự mình nói ra. Ngài không nói điều gì mới mẻ khác lạ. Ngài chỉ làm sống lại trong tâm hồn ta kinh nguyện của Đức Giêsu. Đức Giêsu nói về Thánh Thần như sau: "Người sẽ lấy những gì của Thầy mà loan báo cho anh em" (Ga 16,14). Áp dụng vào trường hợp ở đây, ta có thể nói: Thánh Thần lấy kinh nguyện của Đức Giêsu mà ban cho ta. Nhờ vậy, chúng ta có thể nói rất đúng là: không còn phải tôi cầu nguyện nữa, mà là Đức Kitô cầu nguyện trong tôi. Chính tiếng Abba chứng thực rằng Người cầu nguyện trong ta, nhờ Thần Khí.

Khi dạy chúng ta kêu lên: Abba, Chúa Thánh Thần như thể một người mẹ dạy con mình nói: ba, cha. Chúa Thánh Thần đổ vào lòng ta tình cảm của người con, tình cảm làm cho ta cảm thấy mình là con cái Thiên Chúa (Rm 8,16). Đôi lúc, vào dịp tĩnh tâm chẳng hạn, chúng ta cảm nhận được điều ấy. Và trong kinh nguyện, chúng ta hoàn toàn phó thác, vâng phục, gọi Thiên Chúa là Cha với cả tâm tình. Nhưng đó là trường hợp đặc biệt. Còn thường ra, nhiều người kêu "Cha", "Lạy Cha chúng con" mà chẳng cảm thấy gì. Chúng ta chỉ thuần túy lặp lại lời Chúa dạy.

Ngoài ra, tiếng của Thần Khí trong ta giống như kho tàng quý giá chôn giấu trong thửa ruộng tâm hồn ta, giống như "mạch nước ban sự sống thâm thĩ trong lòng ta rằng: Hãy đến với Chúa Cha" (Ignatiô Antiokia). Ở những vùng khô cạn, khi gặp một mạch nước ngầm, người ta cố đào bới đưa nó lên mặt đất để sử dụng. Chúng ta có nơi mình "mạch nước vọt lên đem lại sự sống đời đời" (Ga 4,14), phải cố gắng đưa nó ra ánh sáng của tâm trí ta. Và phải luôn đưa nó ra, tìm lại nó, vì ta thường xuyên để nó bị che lấp bởi những tiếng ồn ào, những chuyện tào lao vô tích sự, những lo toan về xác thịt.

Ngày nay, nhiều người tìm lại được nhu cầu và sở thích cầu nguyện, nhưng lắm khi lại muốn tìm đến những nơi mãi đâu đâu. Đó không nhất thiết là điều xấu. Đôi khi cũng cần thay đổi bầu khí. Nhưng hãy nhớ lời Augustinô nói: "Hãy trở vào trong chính bạn. Chân lý ở bên trong con người". Đúng vậy. Thiên Chúa ở trong ta, mà ta chỉ lo đi tìm Ngài ở bên ngoài. Kinh nguyện ở trong ta, mà ta lại mãi mê đi tìm nó ở bên ngoài.

Thánh Thần hiện diện trong ta không những làm sống động lời cầu xin của ta, mà còn làm cho bất cứ hình thức cầu nguyện nào được sống động và chân thực. Đặc biệt là kinh nguyện Phụng vụ. Quả thực, khi ta cầu nguyện tự phát bằng lời lẽ riêng, thì Chúa Thánh Thần làm cho lời cầu nguyện của ta thành lời cầu nguyện của Ngài. Nhưng khi ta cầu nguyện bằng lời của Kinh Thánh hoặc của Phụng vụ, ta làm cho lời cầu nguyện của Chúa Thánh Thần trở thành lời cầu nguyện của ta. Và điều này bảo đảm hơn nhiều.

Ngay cả kinh nguyện chiêm niệm, tôn thờ, nếu được làm "trong Thần Khí", cũng rất có lợi. Theo thánh Basiliô, Thần Khí là "nơi", "chỗ" mà ta phải đi vào để chiêm ngắm và tôn thờ Thiên Chúa. Sách Xuất hành kể: Để có thể được Thiên Chúa tỏ mình ra, để có thể chiêm ngắm Ngài đi qua, Môsê đã ẩn mình trong hốc đá. Chúng ta cũng phải ẩn mình trong hốc đá là Thần Khí, để có thể chiêm quan Chúa. Sách Đệ nhị luật đòi phải thượng tiến lễ hy sinh chỉ ở chỗ nào Thiên Chúa đã chọn (Đnl 12,13-14). Chỗ mà Thiên Chúa đã chọn cho ta để ta dâng tiến hy tế chính là "trong Thần Khí". Đức Giêsu cũng đã dạy ta như thế khi Ngài nói: "Những người thờ phượng đích thực sẽ thờ phượng Chúa Cha trong Thần Khí và sự thật" (Ga 4,23).

Như vậy, không những tâm hồn là đền thờ của Chúa Thánh Thần, mà chính Thánh Thần cũng là đền thờ của linh hồn. Trong đền thờ này, ta có thể chiêm ngắm Chúa thật gần gũi, vì Thánh Thần là Thiên Chúa. Nơi Ngài, chúng ta đến không phải với một vị trung gian nào đó, nhưng là chính Thiên Chúa. Ngài ở trong ta và ở trong Thiên Chúa. Thờ phượng trong Thần Khí có nghĩa là thờ phượng trong ánh sáng của Chúa Thánh Thần. Từ bên trong, Ngài mở ra cho ta mầu nhiệm Đức Kitô, và qua Đức Kitô, đưa ta lên tới Chúa Cha. Đó là bí mật và cũng là đặc quyền của Chúa Thánh Thần.

## 16. Kinh nguyện Ki-tô giáo được khai sinh như thế nào?

Dựa vào tác phẩm của các Tông đồ, chúng ta có thể tìm hiểu đời sống của các cộng đoàn, những cộng đoàn gốc Do thái giáo hay gốc Hy-lạp La tinh. Đọc các tác phẩm đó, chúng ta vừa thấy kinh nguyện Kitô giáo vừa tiếp nối kinh nguyện của Do thái giáo vừa có một nét mới mẻ riêng biệt. Ngoài ra, qua những tác phẩm đầu tiên của Kitô giáo, ta có thể nhìn thấy một Giáo hội trẻ trung đang cầu nguyện.

Luca, soạn giả Tin Mừng thích nói về cầu nguyện, đồng thời cũng là tác giả của sách Công vụ Tông đồ, đã cho ta rất nhiều ghi chú về lòng đạo đức và đời sống thiêng liêng đã từng nuôi dưỡng cộng đoàn, một cộng đoàn qui tụ quanh các Tông đồ: “Tất cả các ông đều đồng tâm nhất trí, siêng năng cầu nguyện cùng với mấy người phụ nữ, với bà Maria thân mẫu Đức Giêsu, và với anh em của Đức Giêsu” (Cv 1,14).

Việc lựa chọn Mátthia là một biến cố khá quan trọng, cần phải triệu tập một đại hội; chắc hẳn đây là đại hội đầu tiên của loại này trong đời sống của một cộng đoàn non trẻ. Chính Luca cũng ghi lại cho chúng ta một lời cầu nguyện của các tín hữu với Thiên Chúa: “Lạy Chúa, chính Chúa thấu suốt lòng mọi người, xin chỉ cho thấy Chúa chọn ai trong hai người này”.

Vào ngày lễ Ngũ Tuần, tất cả mọi tín hữu đều tụ tập chung một nơi, cùng nhau cầu nguyện; và chính lúc đó, Thánh Thần ngự xuống trên họ, như tiếng gió ào ào, ‘vang dội khắp cả nhà, nơi họ đang tụ họp’. Được tràn đầy Thánh Thần, họ đã dùng nhiều thứ tiếng khác nhau để ca ngợi những kỳ công của Chúa.

- **Lời cầu nguyện đầu tiên:** Vì gồm những người được kết nạp từ trong đạo Do thái, nên cộng đoàn Kitô giáo đầu tiên vẫn trung thành với kinh nguyện của cha ông: Chắc chắn mỗi ngày hai lần, họ vẫn tuyên xưng đức tin vào một Thiên Chúa độc nhất, bằng cách đọc kinh ‘Shema Israen’ (‘Hỡi Iraen, hãy lắng nghe’). Phêrô và Gioan cũng lên đền thờ để cầu nguyện vào giờ thứ chín cũng là giờ Thầy của họ qua đời và là giờ dâng hy tế ban chiều.

Như vậy, ngay từ đầu, đã có một sự luân phiên: hết cầu nguyện với dân Do thái, thì lại cầu nguyện với các anh em đồng đạo của mình, tụ tập lại để bẻ bánh, nghe giáo huấn của các Tông đồ, và một lòng một ý ca tụng Thiên Chúa. Cũng như việc cầu nguyện ở Đền thờ, những cuộc hội họp này hình như diễn ra hằng ngày.

Sách Công vụ Tông đồ có để lại cho chúng ta một bản văn ghi rõ lời cầu cứu của các Kitô hữu khi bị bách hại (một cuộc bách hại các Kitô hữu bùng nổ rất sớm, dẫn tới việc Phêrô và Gioan bị tổng giam). Nhờ cuộc bách hại này, ta mới thấy được thời kỳ quá độ giữa việc sống đạo theo Do thái giáo và việc sống đạo theo Kitô giáo. Cũng trong lời cầu nguyện đó, ta thấy các Kitô hữu đã coi việc các Tông đồ được giải thoát là một việc nằm sẵn trong kế hoạch cứu độ, trong các lời hứa của các ngôn sứ và trong việc thực hiện các lời hứa ấy. Cả cộng đoàn đều một lòng dâng lời cảm tạ ơn Chúa, vì Người đã giải thoát họ cách kỳ diệu.

Lời cầu nguyện với Đức Giêsu ấy được mở đầu bằng một lời tuyên xưng đức tin và Thiên Chúa chân thật. Đáng sáng tạo vũ trụ. Sau đó, là những lời cầu khẩn, rút từ Thánh vịnh. Dưới sự soi sáng của Chúa Thánh Thần, Đáng đang diu dắt cộng đoàn kể từ khi Đức Giêsu sống lại, người ta mới hiểu hết ý nghĩa của những lời cầu khẩn đó.

- **Đức Giêsu tôi tớ thánh của Thiên Chúa:** Các tín hữu đã áp dụng Tv 2 cho Thầy của mình: ‘Sao chư dân lại ồn ào náo động?’. Hêrôđê và Phongxiô Philatô được nhắc đến ở đây như những chứng nhân của biến cố vượt qua, một biến cố đã được thực hiện do sự lầm lạc của họ. ‘Đúng vậy, Hêrôđê và Phongxiô Philatô cùng với chư dân và dân chúng Israen, đã toa rập trong thành này, chống lại tôi tớ thánh của Ngài là Đức Giêsu, Đáng Ngài đã xúc dầu. Như thế họ đã thực hiện tất cả những gì quyền năng và ý muốn của Ngài đã định trước’.

Có một sự tương tự giữa sự thù ghét Thầy và bách hại các môn đệ. Tuy nhiên, điểm mới là công trình cứu độ ấy đã được ‘Đức Giêsu, tôi tớ thánh’ thực hiện. Thành ngữ này làm ta nhớ lại lời sấm về Người Công chính chịu đau khổ, mà theo như thánh Phêrô ‘anh em đã đóng đinh, nhưng Thiên Chúa đã cho sống lại’. Từ nay, các môn đệ sẽ tụ họp lại nhân danh Người; họ sẽ cầu khẩn Chúa Cha nhân danh Người và nhờ Người.

Sứ mạng của họ là công bố Tin Mừng cho các dân nước, ở đây Tin Mừng được gọi là ‘Lời Thiên Chúa’. Họ cầu xin Chúa cho họ được thi hành sứ mạng một cách ‘mạnh dạn’, một từ ngữ súc tích có nghĩa là can đảm, tự do, vui tươi, một từ ngữ mà chúng ta sẽ thường gặp trong lời cầu nguyện của các vị tử đạo. Những người tuyên xưng đức tin cũng bị buộc tội như Thầy của họ, dầu vậy, họ được bảo đảm nhờ sự hiện diện, sức mạnh và chiến thắng của Người.

Đối với các môn đệ xuất thân từ Do thái giáo, danh hiệu ‘Tôi tớ thánh’ có liên hệ rõ rệt với Đấng Mêsia, nên chẳng lạ gì danh hiệu này sẽ xuất hiện lại trong kinh nguyện Kitô giáo và trong phụng vụ. Từ này, cầu nguyện và truyền giáo có hiệu quả được là nhờ sức mạnh của Người.

Thế nên, Đức Giêsu, người thực hiện lời hứa của các ngôn sứ, từ nay về sau sẽ là trung tâm điểm của kinh nguyện Kitô giáo. Chúng ta dễ dàng nhận ra điều này khi đọc lại chuyện Têphanô trong sách Công vụ Tông đồ. Cuộc tử đạo của ông là sự nối tiếp các cuộc bách hại Đấng Mêsia. Khi đối diện với các đao phủ, ông tuyên xưng là đã thấy Đức Kitô vinh quang, đang đứng biện hộ cho ông trước toà Chúa như một chứng nhân.

Lời cầu nguyện của Têphanô là lời cầu nguyện đầu tiên trực tiếp thừa với Đức Giêsu. Ông đã thừa lại với Thầy mình những lời Người đã từng thì thầm với Cha Người. Từ nay Đức Kitô cũng được tôn thờ như Thiên Chúa, do những người ‘kêu cầu danh Chúa’. Kinh nguyện mới khác biệt là ở chỗ đó.

- **Rượu mới trong bầu da cũ:** Dưới ánh sáng của biến cố phục sinh, các Kitô hữu đã đọc các kinh nguyện Do thái với một tinh thần mới. Dù là tuyên xưng đức tin, chúc lành hay tán

tụng, họ luôn luôn kết thúc bằng những công thức truyền thống như Amen hay Alleluia! Lời tán tụng là lời tụng hô ‘vinh quang Thiên Chúa’; vinh quang ấy được biểu lộ qua những lần Người xuất hiện. Còn câu chúc tụng là lời cảm tạ và ca ngợi thánh danh Người. Các tác phẩm trong Tân ước, đặc biệt là các Thư của các Tông đồ, đầy dẫy lời chúc tụng và tạ ơn. Đó có thể là những câu tụng hô rất đơn sơ hay chỉ là những lời thốt lên vì hân hoan, dâng lên ‘Thiên Chúa, Đáng đáng chúc tụng đến muôn đời’. Hay đó là những thánh thi thực sự như bài mở đầu thư Êphêxô.

Dưới đây là một bài tán tụng nối kết Đức Giêsu với Cha Người và được kết thúc bằng một chữ Amen. Chắc chắn tựa như câu tụng hô của sách Khải Huyền, bài tán tụng này dội lại cho ta thấy cộng đoàn của các Tông đồ:

‘Người đã yêu thương chúng ta và lấy máu mình rửa sạch tội lỗi chúng ta, biến chúng ta thành vương quốc và hàng tư tế để phụng sự Thiên Chúa là Cha của Người: kính dâng Người vinh quang và uy quyền đến muôn thuở muôn đời. Amen’ (Kh 1,6-7).

Thiên quốc được mô tả như một đền thờ, ở đó đang diễn ra một buổi phụng vụ tạ ơn, quanh ngai toà Thiên Chúa và bàn thờ của Con Chiên bị sát tế là Đức Giêsu Kitô. Lời cầu nguyện này cốt để tôn vinh Đấng Cứu thế, Đấng đã lấy máu mình giải thoát ta khỏi tội lỗi và biến cộng đoàn của mình thành một dân hoàng tộc và tư tế. Công trình của Đức Giêsu có thể ví như một cuộc Xuất hành mới, đưa các tín hữu về tới thành đô Thiên Chúa. Trong bối cảnh này, bài tán tụng tuyên xưng rằng các lời hứa đã được hoàn tất nơi Đức Kitô.

Các Kitô hữu đầu tiên vẫn trung thành với các thánh vịnh, như mẫu gương của cộng đoàn Giêrusalem đã cho thấy. Thật là khó hiểu nếu họ không cầu nguyện theo khuôn mẫu mà Đức Giêsu đã lựa chọn, và chính Người đã lấy đó làm điểm qui chiếu cũng như làm chứng cho sứ mạng của mình. Vì kinh nguyện của Đầu phải trở nên kinh nguyện của toàn thân.

Hơn nữa, chính sách Công vụ Tông đồ cũng tường thuật rằng khi ở trong ngục, Phêrô và Xila đã hát các bài thánh vịnh. Thật vậy, dù đã trở lại Kitô giáo nhưng làm sao các người Do thái vốn đã quen thuộc với kinh nguyện của cha ông, lại có thể đoạn tuyệt với di sản của Chúa Thánh Thần mà Đức Giêsu đã nhận lấy và biến cải?

Trung thành với di sản thiêng liêng đó không hề làm cho nguồn cảm hứng bị cạn đi. Nhờ lòng đạo hăng say, cộng đoàn đã sáng tạo được những thánh thi mới, những thánh thi, thánh ca, tất cả đều do Thánh Thần linh hứng. Cũng trong thời kỳ đó, nơi cộng đoàn Qumran, sinh hoạt văn chương được phát triển rất mạnh. Ngày nay chúng ta còn giữ được nhiều bài ca, nhiều thánh vịnh của cộng đoàn ấy.

Tin mừng Luca còn lưu lại cho chúng ta những bài thánh ca hết sức đặc sắc như bài ‘Magnificat của Đức Maria (‘Ngợi Khen’), bài Benedictus của Dacaria (‘Chúc tụng’) và bài ‘Nunc dimittis’ (‘An bình ra đi’) của cụ già Simeon. Cả ba bài này đều nằm trong dòng kinh nguyện chung là cầu nguyện theo các thánh vịnh. Trong đó, đây những chỗ liên tưởng đến

Kinh Thánh: không có câu nào mà không dựa vào sách các ngôn sứ hay thánh vịnh, đặc biệt hơn vào những bài ca về ‘người nghèo của Giavê’. Những thánh ca đó là những sáng tác đầu tiên của thi ca trữ tình Kitô giáo.

Bài ‘Ngợi khen’, được gán cho Đức Maria, chủ yếu dựa vào bài ca của bà Anna, mẹ Samuen. Đọc thánh ca này, ta cảm thấy có một cái gì tươi mát như trong một sáng tác ứng khẩu. Được chia thành nhiều khổ thơ, như các thánh thi, bài ca tán tụng kỳ công Chúa Thánh Thần đã thực hiện nơi Đức Maria. Từ một trường hợp cá nhân, bài ca đã mở rộng bức tranh để ca tụng toàn bộ công trình cứu độ, đã được khởi sự nơi Israen. Các lời hứa trước đây đã hứa với cha ông, thì nay được thực hiện nơi Đức Maria. Qua các lời hứa ấy, Giavê tỏ ra mình là Đấng thánh thiện, giàu tình thương, quyền năng và trung tín. Khi Đấng Mêsia đến, sẽ có những dấu hiệu nghịch lý đi kèm theo. Đó là một sự xuất hiện làm đảo lộn mọi giá trị đã được chấp nhận từ xưa đến nay: người thấp hèn sẽ ngồi vào chỗ của những người quyền thế, kẻ đói khát sẽ được no nê, chứ không phải những người giàu.

Còn bài ‘Chúc tụng’ của Dacaria được sáng tác dưới sự gợi hứng của Chúa Thánh Thần. Bài ca mở đầu bằng một lời chúc tụng theo thể văn của kinh nguyện Do thái. Các lời hứa về Đấng Mêsia được xem như đã hoàn tất. Cả sứ mạng của Gioan Tầy giả cũng được đặt vào trong công trình cứu độ. Với giọng văn của các ngôn sứ, bài ca này giới thiệu về một thời đại mới, khi Đấng Mêsia chỗi dậy như vàng đồng từ chốn cao vợi. Cả hai bài ca đều dựa trên lời hứa với Apraham, tổ tiên của mọi người.

- **Thánh thi và lời cầu nguyện trong các thư của các tông đồ:** Ta có thể tìm thấy trong các thư của các Tông đồ nhiều sáng tác Kitô giáo, nhưng thường chỉ còn lại một phần. Trong số đó nổi bật hơn hết là những lời tuyên xưng đức tin, những thánh thi ca tụng Đức Kitô, những lời tuyên hứa khi lãnh phép rửa tội và những bài ca về thời cánh chung.

Đối với người Do thái, khi tuyên xưng đức tin là tuyên xưng Đấng Tối Cao, ‘Người là Đấng dựng nên trời đất, biển khơi và muôn loài trong đó’. Nhưng đối với người Kitô hữu, Đấng Tối Cao ấy đã tỏ mình nơi Đức Giêsu Kitô; Người là điểm cuối cùng Thiên Chúa nhắm tới khi thực hiện các việc cao cả. Như vậy, họ đã liên kết Đức Giêsu với Cha của Người, như chúng ta đã thấy trong bài thánh thi của sách Khải Huyền. Trong sách đó, có rất nhiều thí dụ.

‘Thiên Chúa, nguồn mọi ân sủng, là Đấng đã kêu gọi anh em vào vinh quang đời đời của Người trong Đức Kitô, sẽ cho anh em là những kẻ sẽ phải chịu khổ ít lâu, được nên hoàn thiện, vững vàng, mạnh mẽ và kiên cường. Kính dâng Người vinh quang và uy quyền đến muôn thuở muôn đời. Amen’ (1Pr 5,10-11).

Cuối cùng, đối với người Kitô hữu, tuyên xưng đức tin là tuyên xưng sự sống lại của Đức Kitô, trung tâm điểm của đức tin mới, cũng là nơi Thiên Chúa bày tỏ vinh quang Người. Đức Kitô là Chúa! Hay rõ hơn: ‘Giêsu Kitô là Chúa làm vinh hiển Chúa Cha’. Muốn có nhiều thí dụ về điều này thì rất dễ. Chẳng hạn như: ‘Màu nhiệm của đạo thánh thật là cao cả, đó là:

Đức Kitô xuất hiện trong thân phận người phạm, được Thần khí chứng thực là công chính; Người được các thiên thần chiêm ngưỡng, được loan truyền giữa muôn dân; Người được cả hoàn cầu tin kính, được siêu thăng cõi trời vinh hiển'. (1 Tm 3,16).

Thư gửi tín hữu Philipphê còn giữ lại một bài thánh thi khác ca tụng Đức Kitô. Bài này Phaolô đã chen vào trong thư của mình, và mô phỏng một kinh phụng vụ rất thoáng; kinh ấy đã được lưu truyền trong Giáo hội sơ khai. Đây là một nghĩa cử tỏ lòng tôn kính Đức Kitô qua lịch sử hoạt động của Người; rồi kết thúc bằng một lời tuyên xưng đức tin: 'Đức Giêsu là Chúa' (Pl 2,6-11).

Lời tuyên xưng đức tin là một phần làm nên bí tích rửa tội; bí tích này được ban 'nhân danh Đức Giêsu', như sách Công vụ thường hay kể lại. Việc tuyên xưng đức tin đó đã được gói ghém trong một công thức: 'Tôi tin Con Thiên Chúa chính là Đức Giêsu Kitô'. Người ta thường trình bày rửa tội là tham dự vào cái chết và sự sống lại của Đức Kitô, là bước vào trong thân thể của Người, tức là Giáo hội. Hợp với toàn thể Giáo hội ấy, chúng ta cùng hát khen: 'Chỉ có một Cha, chỉ có một Đức Chúa, chỉ có một Thần khí, một niềm tin, một phép rửa' (Ep 4,3-6).

Thánh Phaolô cũng lưu lại cho ta đoạn đầu của một thánh thi hát lúc chịu phép rửa. Và thật lý thú, Clément (Alexandrie) đã ghi lại được một phần còn lại của thánh thi ấy. Bài thánh thi đó khai triển đề tài ánh sáng, vì thời ấy phép rửa được gọi là sự chiếu sáng.

'Tỉnh giấc đi, hỡi người còn đang ngủ!  
Từ chốn tử vong, chỗi dậy đi nào!  
Đức Kitô sẽ chiếu sáng người' (Ep 5,14)

Người là mặt trời của sự sống lại,  
Đã xuất hiện trước cả ánh sao mai;  
Ban sự sống qua ánh nắng mặt trời'.

**Ngoài ra, cộng đoàn tiên khởi (vào thế kỷ thứ nhất sau Công Nguyên) còn sáng tác tập thơ Salomon** gồm 42 bài. Tác phẩm này phát xuất từ một môi trường văn hoá Sêmit, rất gần với môi trường của Tin mừng Gioan và sách Khải Huyền, cũng như rất gần với môi trường của cộng đoàn Essênoi. Nhưng nguồn cảm hứng chính của tập thơ vẫn là Thánh Kinh; bút pháp gợi hình, lối hành văn biến ngẫu, thích những câu đối nghĩa, chịu ảnh hưởng của thần thoại Đông phương.

Đây không phải là một vài câu thơ rời rạc, nhưng các sáng tác thi ca, với những chủ đề, mà chúng ta đã nói trước đây: thần học Ba Ngôi, đề cao tình thương của Chúa Cha và hoạt động của Chúa Con. Đức Kitô là trung tâm điểm của toàn bộ tập thơ; Người làm cho vũ trụ sống lại và đã xuống địa ngục để giải thoát các tù nhân. Ngoài ra, còn đề cập đến việc Đức Maria làm mẹ mà vẫn đồng trinh, giáo lý và phụng vụ phép rửa.



Tập thơ này có nhiều chỗ ám chỉ đến nghi thức rửa tội: cởi chiếc áo của tội lỗi, mặc áo bất diệt, như dấu chứng tỏ mình đã được chọn, đội triều thiên kết bằng lá. Tác giả mô tả bí tích là một cuộc tham dự vào sự nghiệp của Đức Kitô, Người đã chiến thắng ‘con rồng bảy đầu’ (tuy nhiên tác phẩm không bao giờ nêu rõ tên Đức Kitô vì người ta đã tưởng tượng đây là sáng tác của Salomon). Bí tích đưa ta về lại thiên đường đã mất.

Tác giả cũng thường nhắc đến Đức Kitô đã mang lại ân sủng, sự hiểu biết, sự thật, sự thánh thiện, sự nghỉ ngơi và hài hoà. Đặc biệt Đức Kitô chính là người bạn thân, làm lòng ta ao ước muốn gặp Người.

Cầu nguyện luôn và ở lại trong Chúa,  
Sẽ được yêu trong Đấng chí tình,  
Thoát hiểm nguy trong Người hằng sống,  
Cứu độ mình trong Đấng tự do,  
Nhân danh Cha, ngàn thu bất diệt. Alleluia.

Tác giả là một nhà huyền nhiệm cố gắng diễn tả đức tin và tình yêu nồng cháy của mình. Ông ca ngợi nỗi say sưa thánh thiện đang tràn ngập tâm hồn ông. Khi chiêm ngắm các kỳ công Thiên Chúa, có lúc ông thình lặn, có khi lại cất tiếng ngợi khen. Hầu hết mọi bài thơ đều kết thúc bằng một tiếng Allêluia, đọc lên nghe ngân vang như một dấu chấm trong nhạc.

Chúa là tình yêu của tôi,  
Tôi muốn ca hát mừng Người.  
Tôi mạnh mẽ nhờ ca ngợi Chúa,  
Sức lực tôi là ở nơi Người.  
Miệng tôi mà rộng mở  
Là Thần khí Người sẽ ca rao  
Chúa vinh quang và đẹp đẽ biết bao.  
Ngoài Người ra, có chi tồn tại,  
Trước mọi sự thì đã có Người.  
Nhờ lời Người, muôn loài hiện hữu.  
Ý định Người làm muôn vật nảy sinh.  
Xin chúc tụng và tôn vinh thánh nhan Người.  
Alleluia.

Như thế tập thơ này đã cung cấp cho chúng ta khá nhiều bài ca điển hình diễn tả lòng sùng đạo, tính trữ tình và khả năng sáng tạo của các thế hệ Kitô giáo đầu tiên. Tập thơ ấy đúng là đã đội lại lời thánh Phaolô nói với tín hữu Êphêxô:

‘Hãy cùng nhau xướng đáp những bài thánh vịnh, thánh thi và những bài ca do Thần khí linh hứng; hãy đem cả tâm hồn mà ca hát chúc tụng Chúa. Hãy nhân danh Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, mà cảm tạ Thiên Chúa là Cha, trong mọi hoàn cảnh, và về mọi sự’ (Ep 5,19-20). Chính Tông đồ Phaolô là một mẫu gương sống động về điều đó.